

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Hoàng Thị Thanh

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG - 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TÀI SẢN CÓ
ĐỊNH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
TOÀN MỸ .

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Hoàng Thị Thanh

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG - 2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Hoàng Thị Thanh

Mã SV: 1313401020

Lớp: QTL701K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán tài sản cố định tại công ty trách nhiệm hữu hạn Toàn Mỹ.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.

- Trình bày thực trạng tổ chức kế toán tài sản cố định tại công ty trách nhiệm hữu hạn Toàn Mỹ.

- Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của tổ chức kế toán tài sản cố định tại công ty trách nhiệm hữu hạn Toàn Mỹ. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng tài liệu kế toán của Công Ty trách nhiệm hữu hạn Toàn Mỹ.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công Ty trách nhiệm hữu hạn Toàn Mỹ .

KM 9 – QL 10- Kiên Bái – Thủy Nguyên – Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: trường đại học dân lập Hải Phòng.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán tài sản cố định tại
Công ty trách nhiệm hữu hạn Toàn Mỹ.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:.

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài khóa luận được giao ngày 27 tháng 04 năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 18 tháng 07 năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Hoàng Thị Thanh

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Ths. Trần Thị Thanh Phương

Hải phòng ngày...tháng...năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần và thái độ của sinh viên trong quá trình làm luận án tốt nghiệp

- Chăm chỉ học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.
- Tuân thủ nghiêm túc yêu cầu về thời gian và hoàn thiện nội dung nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ luận án tốt nghiệp trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Về mặt lý luận: hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: Tác giả đã phản ánh được thực trạng của đối tượng nghiên cứu.
- Những giải pháp đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng...năm2015

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

LỜI MỞ ĐẦU

Trong các khâu quản lý tại doanh nghiệp có thể nói công tác quản lý hạch toán tài sản cố định là một trong những mắt xích quan trọng nhất của doanh nghiệp. Tài sản cố định là điều kiện cơ bản, là nền tảng của quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp và chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng số tài sản, vốn doanh nghiệp. Giá trị tài sản ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của doanh nghiệp, nhất là trong điều kiện khoa học kỹ thuật phát triển như hiện nay, giá trị tài sản ngày càng lớn thì yêu cầu quản lý sử dụng ngày càng chặt chẽ, khoa học và hiệu quả hơn. Nên trong nhiều doanh nghiệp hiện nay, vấn đề nâng cao hiệu quả của việc sử dụng tài sản cố định đặc biệt được quan tâm. Kế toán là một trong những công cụ hữu hiệu nằm trong hệ thống quản lý tài sản cố định của một doanh nghiệp. Kế toán cung cấp những thông tin hữu ích về tình hình tài sản cố định của doanh nghiệp trên nhiều góc độ khác nhau để giúp các nhà quản lý sẽ có được những phân tích chuẩn xác để ra những quyết định kinh tế.

Công ty TNHH Toàn Mỹ là công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh, sửa chữa ô tô nên tài sản cố định đóng một vai trò quan trọng. Trong những năm qua, công ty đã mạnh dạn đầu tư vốn vào các loại tài sản cố định, đồng thời từng bước hoàn thiện quá trình hạch toán kế toán tài sản cố định. Ngoài lời nói đầu, kết luận khóa luận tốt nghiệp của em gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về tổ chức kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH Toàn Mỹ.

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty trách nhiệm hữu hạn Toàn Mỹ.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1 Những vấn đề cơ bản về tài sản cố định trong doanh nghiệp.

1.1.1 Khái niệm, đặc điểm và phân loại tài sản cố định.

- *Khái niệm, đặc điểm*

Tài sản cố định là một bộ phận của tư liệu sản xuất, giữ vai trò tư liệu lao động chủ yếu của quá trình sản xuất. Chúng được coi là cơ sở vật chất kỹ thuật có vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, là điều kiện tăng năng suất lao động xã hội và phát triển nền kinh tế quốc dân.

Từ góc độ vi mô, máy móc thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất chính là yếu tố để xác định quy mô và năng lực sản xuất của doanh nghiệp.

Từ góc độ vĩ mô, đánh giá về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật của toàn bộ nền kinh tế quốc dân có thực lực vững mạnh hay không?

Chính vì vậy, trong sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp nói riêng cũng như của toàn bộ nền kinh tế nói chung, tài sản cố định là cơ sở vật chất và có vai trò cực kì quan trọng. Việc cải tiến, hoàn thiện, đổi mới và sử dụng hiệu quả tài sản cố định là một trong những nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp và của nền kinh tế.

Nhận thức đúng đắn về vai trò của TSCĐ chính là lý luận đầu tiên xây dựng nên khái niệm về TSCĐ.

Tài sản cố định hữu hình: là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất thoả mãn các tiêu chuẩn của tài sản cố định hữu hình, tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu và được chuyển dần giá trị tài sản vào giá thành sản phẩm. Do đó, doanh nghiệp phải thực hiện trích khấu hao TSCĐ để thu hồi vốn và tái tạo TSCĐ mới phục vụ cho kỳ sản xuất, kinh doanh tiếp theo như nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải...

Tài sản mua về phải thoả mãn những điều kiện nhất định mới được gọi là tài sản cố định hữu hình. Theo điều 3 của thông tư 45/2013/TT – BTC thì tài sản cố định phải thoả mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

-) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
-) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;

-) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở lên.

Tài sản cố định vô hình: là những tài sản không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư thoả mãn các tiêu chuẩn của tài sản cố định vô hình, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh, như một số chi phí liên quan trực tiếp tới đất sử dụng; chi phí về quyền phát hành, bằng phát minh, bằng sáng chế, bản quyền tác giả...

- *Phân loại tài sản cố định*

TSCĐ trong công ty có nhiều loại vì vậy để thuận tiện cho công tác quản lý và hạch toán TSCĐ trong doanh nghiệp cần phân loại TSCĐ và được phân theo nhiều tiêu thức khác nhau như theo hình thái biểu hiện, theo quyền sở hữu, theo tình hình sử dụng... mỗi 1 cách phân loại sẽ đáp ứng những nhu cầu quản lý nhất định và có những tác dụng riêng của nó.

*** Theo hình thái biểu hiện:**

- *Tài sản cố định hữu hình:*

Là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất, có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu. Thuộc về loại này gồm có:

- Nhà cửa vật kiến trúc: bao gồm các công trình xây dựng cơ bản như: nhà cửa, vật kiến trúc, trụ sở làm việc, nhà kho, hàng rào, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí cho nhà cửa, đường băng sân bay, cầu tàu, cầu cảng, các công trình cơ sở hạ tầng như đường sá, cầu cống, đường sắt, đường băng sân bay, cầu tàu, cầu cảng ... phục vụ cho hạch toán sản xuất kinh doanh.

- Máy móc thiết bị: bao gồm các loại máy móc thiết bị dùng trong sản xuất kinh doanh: máy móc chuyên dùng, máy móc thiết bị công tác, giàn khoan trong lĩnh vực dầu khí, cần cẩu, dây chuyền thiết bị công nghệ, những máy móc đơn lẻ.

- Thiết bị phương tiện vận tải truyền dẫn: là các phương tiện dùng để vận tải gồm phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường bộ, đường không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn như hệ thống thông tin, hệ thống điện, đường ống nước, băng tải như các loại đầu máy, đường ống và phương tiện khác(ô tô, máy kéo, xe tải, ống dẫn...)

- Thiết bị, dụng cụ dùng cho quản lý: bao gồm các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy vi tính, thiết bị điện

tử, thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng, máy hút ẩm, hút bụi, chống mối mọt, máy điều hoà,...

- Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm: bao gồm các loại cây lâu năm(cà phê, chè, cao su, vườn cây ăn quả...) súc vật nuôi để lấy sản phẩm(bò sữa, súc vật sinh sản...)

- Các loại tài sản cố định khác: là toàn bộ các tài sản cố định khác chưa liệt kê vào năm loại trên như tranh ảnh, tác phẩm nghệ thuật

- *Tài sản cố định vô hình:*

Là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị và do doanh nghiệp nắm giữ, sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định vô hình. Thuộc về tài sản cố định vô hình có: quyền sử dụng đất, quyền phát hành, bản quyền, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa, phần mềm máy vi tính, giấy phép nhượng quyền, tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, sản phẩm, kết quả của cuộc biểu diễn nghệ thuật, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý, giống cây trồng và vật liệu nhân giống,...

Phương thức phân loại theo hình thái biểu hiện có tác dụng giúp doanh nghiệp nắm được những tư liệu lao động hiện có với giá trị và thời gian sử dụng bao nhiêu, để từ đó có phương hướng sử dụng TSCĐ có hiệu quả.

*** Theo quyền sở hữu:**

Theo cách này toàn bộ TSCĐ của doanh nghiệp được phân thành TSCĐ tự có và thuê ngoài :

- *TSCĐ tự có:* là những TSCĐ xây dựng, mua sắm hoặc chế tạo bằng nguồn vốn của doanh nghiệp do ngân sách cấp, do đi vay của ngân hàng, bằng nguồn vốn tự bổ sung, nguồn vốn liên doanh...

- *TSCĐ đi thuê:* là những TSCĐ mà doanh nghiệp thuê ngoài để phục vụ cho yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Với cách phân loại này giúp doanh nghiệp nắm được những TSCĐ nào mà mình hiện có và những TSCĐ nào mà mình phải đi thuê, để có hướng sử dụng và mua sắm thêm TSCĐ phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

*** Theo nguồn hình thành:**

Theo cách phân loại này TSCĐ được phân thành:

- TSCĐ mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn được ngân sách cấp hay cấp trên cấp
- TSCĐ mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn tự bổ sung của doanh nghiệp(quỹ phát triển sản xuất , quỹ phúc lợi...)
- TSCĐ nhận vốn góp liên doanh.

Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành, cung cấp được các thông tin về cơ cấu nguồn vốn hình thành TSCĐ. Từ đó có phương hướng sử dụng nguồn vốn khấu hao TSCĐ một cách hiệu quả và hợp lý.

*** Theo tình hình sử dụng:**

Tài sản cố định được phân thành các loại sau:

- Tài sản cố định đang sử dụng: đó là những tài sản cố định đang trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hay đang sử dụng với những mục đích khác nhau của những doanh nghiệp khác nhau.
- Tài sản cố định chờ xử lý: bao gồm các tài sản cố định không cần dùng, chưa cần dùng vì thừa so với nhu cầu sử dụng hoặc vì không còn phù hợp với việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hoặc tài sản cố định tranh chấp chờ giải quyết. Những tài sản cố định này cần xử lý nhanh chóng để thu hồi vốn sử dụng cho việc đầu tư và đổi mới tài sản.

Phân loại tài sản cố định theo tình hình sử dụng giúp doanh nghiệp nắm được những tài sản cố định nào đang sử dụng tốt, những tài sản cố định nào không sử dụng nữa để có phương hướng thanh lý thu hồi vốn cho doanh nghiệp.

Mặc dù tài sản cố định được phân thành từng nhóm với đặc trưng khác nhau nhưng trong việc hạch toán thì tài sản cố định phải được theo dõi chi tiết cho từng tài sản cụ thể và riêng biệt, gọi là đối tượng ghi tài sản cố định. Đối tượng ghi tài sản cố định là từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau thực hiện một hay một số chức năng nhất định.

1.1.2. Đánh giá tài sản cố định.

Đánh giá tài sản cố định là việc xác định giá trị ghi sổ của tài sản cố định. Việc ghi sổ phải bảo đảm phản ánh được tất cả ba chỉ tiêu về giá trị là nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại của tài sản cố định.

1.1.2.1 Nguyên giá TSCĐ

Nguyên giá TSCĐ hữu hình: là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có TSCĐ hữu hình và đưa về trạng thái sẵn sàng sử dụng . Kế toán phải

theo dõi chi tiết nguyên giá của từng TSCĐ. Tùy thuộc vào nguồn hình thành, nguyên giá TSCĐ hữu hình được xác định như sau:

a) *TSCĐ hữu hình do mua sắm*: Nguyên giá bao gồm giá mua (trừ các khoản được chiết khấu thương mại, giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí chuẩn bị mặt bằng, chi phí vận chuyển và bốc xếp ban đầu, chi phí lắp đặt, chạy thử (trừ các khoản thu hồi về sản phẩm, phế liệu do chạy thử), chi phí chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Đối với TSCĐ mua sắm dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì kế toán phản ánh giá trị TSCĐ theo giá mua chưa có thuế.

Đối với TSCĐ mua sắm dùng vào sản xuất, kinh doanh hành hoá, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, hoặc dùng vào hoạt động sự nghiệp, chương trình, dự án hoặc dùng cho hoạt động phúc lợi, kế toán phản ánh giá trị TSCĐ theo tổng giá thanh toán đã có thuế GTGT.

b) *Tài sản cố định hữu hình do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu*: nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành. Đối với tài sản cố định là con súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm, vườn cây lâu năm thì nguyên giá là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra cho con súc vật, vườn cây đó từ lúc hình thành cho tới khi đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan.

c) *Tài sản cố định hữu hình mua trả chậm, trả góp*: Nguyên giá được phản ánh theo giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo kỳ hạn thanh toán.

d) *TSCĐ hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế*: Nguyên giá là giá thành thực tế của TSCĐ tự xây dựng hoặc tự chế cộng với chi phí lắp đặt, chạy thử. Trường hợp doanh nghiệp dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành TSCĐ thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng với các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí không hợp lý như nguyên liệu, vật liệu lãng phí, lao động hoặc các khoản chi phí khác

khác sử dụng vượt quá mức bình thường trong quá trình tự xây dựng hoặc tự chế không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình.

đ) TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi: Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác, được xác định theo giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự. Trong cả hai trường không có bất kỳ khoản lãi hay lỗ nào được ghi nhận trong quá trình trao đổi. Nguyên giá TSCĐ nhận về được tính bằng giá trị còn lại của TSCĐ đem trao đổi.

e) Tài sản cố định hữu hình được cấp, được điều chuyển đến: Nguyên giá bao gồm: Giá trị còn lại trên sổ kế toán của tài sản cố định ở đơn vị cấp, đơn vị điều chuyển. . . hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận và các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí nâng cấp, lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ (nếu có). . . mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

g) Tài sản cố định hữu hình nhận góp vốn liên doanh, nhận lại vốn góp, do phát hiện thừa, được tài trợ, biếu, tặng. . . : Nguyên giá là giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận; các chi phí mà bên nhận phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ (nếu có). . .

Nguyên giá của TSCĐ vô hình

Nguyên giá của TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

a, Nguyên giá TSCĐ vô hình mua sắm : là giá mua thực tế phải trả cộng với các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

b, TSCĐ vô hình mua sắm theo hình thức trả chậm, trả góp: nguyên giá TSCĐ là giá mua tài sản theo phương thức trả tiền ngay tại thời điểm mua (không bao gồm lãi trả chậm).

c) *Tài sản cố định vô hình mua theo hình thức trao đổi*: nguyên giá TSCĐ vô hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi cộng với các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính.

d) *Tài sản cố định vô hình được cấp, được biếu, được tặng, được điều chuyển đến*: nguyên giá TSCĐ vô hình được cấp, được biếu, được tặng là giá trị hợp lý ban đầu cộng với các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến việc đưa tài sản vào sử dụng. Doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chuyển có trách nhiệm hạch toán nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại của tài sản theo quy định.

đ) *Tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp*: nguyên giá là các chi phí liên quan trực tiếp đến khâu xây dựng, sản xuất thử nghiệm phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ đó vào sử dụng theo dự tính.

Riêng các chi phí phát sinh trong nội bộ để doanh nghiệp có nhãn hiệu hàng hoá, quyền phát hành, danh sách khách hàng, chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu và các khoản mục tương tự không đáp ứng được tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ vô hình được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

e) *TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất*: nguyên giá TSCĐ được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

f) *Nguyên giá của TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ*: là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra để có được quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

g) *Nguyên giá TSCĐ là các chương trình phần mềm*: nguyên giá là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính:

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính phản ánh ở đơn vị thuê là giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định của doanh nghiệp chỉ được thay đổi trong các trường hợp sau:

- a) Đánh giá lại giá trị TSCĐ trong các trường hợp:
 - Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - Thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp: chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, cổ phần hoá, bán, khoán, cho thuê, chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần, chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn.
 - Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.
- b) Đầu tư nâng cấp TSCĐ.
- c) Tháo dỡ một hay một số bộ phận của TSCĐ mà các bộ phận này được quản lý theo tiêu chuẩn của 1 TSCĐ hữu hình.

Khi thay đổi nguyên giá TSCĐ, doanh nghiệp phải lập biên bản ghi rõ các căn cứ thay đổi và xác định lại các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán, sổ khấu hao lũy kế, thời gian sử dụng của TSCĐ và tiến hành hạch toán theo quy định.

1.1.2.2 Giá trị hao mòn và khấu hao TSCĐ

Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định sẽ bị hao mòn. Đó là sự giảm dần giá trị sử dụng và giá trị của tài sản cố định do tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, do bào mòn của tự nhiên, do tiến bộ kỹ thuật,... Để thu hồi giá trị hao mòn của tài sản cố định, trong quản lý người ta tiến hành trích khấu hao tài sản cố định tức là tính toán và phân bổ một cách có hệ thống nguyên giá của tài sản cố định vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Như vậy, hao mòn là một hiện tượng khách quan còn khấu hao là một biện pháp chủ quan nhằm thu hồi lại giá trị hao mòn của tài sản cố định. Về phương diện kế toán, giá trị hao mòn của tài sản cố định được tính bằng số khấu hao lũy kế đến thời điểm xác định.

Căn cứ vào điều kiện áp dụng quy định cho từng phương pháp trích khấu hao tài sản cố định, doanh nghiệp có thể lựa chọn phương pháp tính khấu hao phù hợp với từng loại tài sản cố định của doanh nghiệp. Theo thông tư Số: 45/2013/TT-BTC, doanh nghiệp có thể lựa chọn tính khấu hao theo một trong 3

phương pháp sau: Phương pháp khấu hao đường thẳng, phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh, phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm.

Phương pháp khấu hao đường thẳng:

* Nội dung của phương pháp: Tài sản cố định trong doanh nghiệp được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng như sau:

- Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng năm cho tài sản cố định theo công thức :

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm của tài sản cố định} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Thời gian trích khấu hao}}$$

- Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

- Mức trích khấu hao ngày bằng số khấu hao trung bình hàng tháng chia cho số ngày trong tháng.

Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh:

*. Nội dung của phương pháp:

Mức trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh được xác định như:

- Xác định thời gian khấu hao của tài sản cố định:

Doanh nghiệp xác định thời gian khấu hao của tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 45 /2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Xác định mức trích khấu hao năm của tài sản cố định trong các năm đầu theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của tài sản cố định} = \text{Giá trị còn lại của tài sản cố định} \times \text{Tỷ lệ khấu hao nhanh}$$

Trong đó:

Tỷ lệ khấu hao nhanh xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh (\%)} = \text{Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng} \times \text{Hệ số điều chỉnh}$$

Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng xác định:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng (\%)} = \frac{1}{\text{Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định}} \times 100$$

Hệ số điều chỉnh xác định theo thời gian trích khấu hao của tài sản cố định quy định tại bảng dưới đây:

Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm ($t \leq 4$ năm)	1,5
Trên 4 đến 6 năm ($4 \text{ năm} < t \leq 6$ năm)	2,0
Trên 6 năm ($t > 6$ năm)	2,5

Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần nói trên bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định chia cho số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định.

- Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm:

*. Nội dung của phương pháp:

Tài sản cố định trong doanh nghiệp được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm như sau:

- Căn cứ vào hồ sơ kinh tế - kỹ thuật của tài sản cố định, doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của tài sản cố định, gọi tắt là sản lượng theo công suất thiết kế.

- Căn cứ tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối lượng sản phẩm thực tế sản xuất hàng tháng, hàng năm của tài sản cố định.

- Xác định mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng}}{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế}} \times \text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}$$

Trong đó:

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

- Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm, hoặc tính theo công thức sau:

$$\text{Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong năm}}{\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}} \times \text{X}$$

Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá của tài sản cố định thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định.

1.1.2.3 Giá trị còn lại của tài sản cố định.

Giá trị còn lại của tài sản cố định là giá thực tế của tài sản cố định tại một thời điểm nhất định. Người ta chỉ xác định được chính xác giá trị còn lại của tài sản cố định khi bán chúng trên thị trường. Về phương diện kế toán, giá trị còn lại của tài sản được xác định bằng hiệu số giữa nguyên giá tài sản cố định và số khấu hao lũy kế tính đến thời điểm xác định. Đánh giá tài sản cố định theo giá trị còn lại sẽ phản ánh đúng năng lực thực tế của tài sản cố định.

Ba chỉ tiêu dùng để đánh giá tài sản cố định là nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại của tài sản cố định có mối quan hệ với nhau thể hiện qua công thức:

$$\text{Nguyên giá TSCĐ} = \text{Giá trị còn lại của TSCĐ} + \text{Giá trị hao mòn TSCĐ}$$

1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định.

Kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp cần đảm bảo các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời số lượng, giá trị tài sản cố định hiện có, tình hình tăng, giảm tài sản cố định trong phạm vi toàn doanh nghiệp cũng như từng bộ phận sử dụng trên các mặt: số lượng, chất lượng, cơ cấu, giá trị,.. tạo điều kiện cung cấp thông tin để kiểm tra, giám sát thường xuyên việc giữ gìn, bảo quản, bảo dưỡng tài sản cố định và kế hoạch đầu tư đổi mới.
- Tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao tài sản cố định vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của tài sản và chế độ quy định.
- Tham gia lập kế hoạch sửa chữa và dự toán chi phí sửa chữa tài sản cố định, giám sát việc sửa chữa tài sản cố định về chi phí và kết quả.

- Hướng dẫn kiểm tra các đơn vị, các bộ phận phụ thuộc trong doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép ban đầu về tài sản cố định, mở các sổ, thẻ kế toán cần thiết và hạch toán tài sản cố định theo chế độ quy định.
- Tham gia kiểm kê, đánh giá lại tài sản cố định theo quy định của nhà nước và yêu cầu bảo toàn vốn, tiến hành phân tích tình hình trang bị, huy động, bảo quản, sử dụng tài sản cố định tại đơn vị.

1.2 Tổ chức kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.

1.2.3 Kế toán chi tiết tài sản cố định.

Khi có tài sản cố định mới đưa vào sử dụng, doanh nghiệp phải lập hội đồng giao nhận gồm có đại diện bên giao và đại diện bên nhận và một số ủy viên để lập “ biên bản giao nhận tài sản cố định” cho từng đối tượng tài sản cố định. Đối với những tài sản cùng loại, giao nhận cùng lúc và do cùng một đơn vị chuyển giao thì có thể lập chung một biên bản. Sau đó kế toán tập hợp và lập hồ sơ riêng cho từng tài sản cố định. Mỗi bộ hồ sơ tài sản cố định bao gồm: biên bản giao nhận tài sản cố định, hợp đồng, hóa đơn giá trị gia tăng mua tài sản cố định, các bản sao tài liệu kỹ thuật và các chứng từ khác có liên quan. Căn cứ hồ sơ tài sản cố định kế toán mở thẻ tài sản cố định để theo dõi chi tiết từng tài sản cố định của doanh nghiệp. Thẻ tài sản cố định do kế toán tài sản cố định lập, kế toán trưởng xác nhận. Thẻ này được lưu ở phòng kế toán trong suốt quá trình sử dụng tài sản. Khi lập xong, thẻ tài sản cố định được dùng để ghi vào “ Sổ tài sản cố định”, sổ này được lập chung cho toàn doanh nghiệp một quyển và nơi sử dụng tài sản một quyển.

Tài sản của doanh nghiệp có thể giảm do nhiều nguyên nhân khác nhau như điều chuyển cho đơn vị khác, đem đi góp vốn liên doanh, liên kết, nhượng bán, thanh lý,... tùy theo từng trường hợp giảm mà kế toán doanh nghiệp phải lập các chứng từ khác nhau như: biên bản giao nhận tài sản cố định, biên bản thanh lý tài sản cố định,... trên cơ sở các chứng từ này kế toán ghi giảm tài sản cố định trên “ sổ tài sản cố định”.

Trường hợp di chuyển tài sản cố định giữa các bộ phận trong doanh nghiệp thì kế toán ghi giảm tài sản cố định trên “ sổ tài sản cố định” của bộ phận giao và ghi tăng trên “ sổ tài sản cố định” của bộ phận nhận.

1.2.4 Kế toán tổng hợp tài sản cố định.

Các chứng từ sử dụng:

- Biên bản giao nhận tài sản cố định.

- Biên bản thanh lý tài sản cố định.
- Biên bản bàn giao tài sản cố định sửa chữa lớn hoàn thành.
- Biên bản đánh giá lại tài sản cố định.
- Biên bản kiểm kê tài sản cố định.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.

Các tài khoản sử dụng:

Tài khoản 211 “ tài sản cố định hữu hình” phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng giảm toàn bộ tài sản cố định hữu hình của doanh nghiệp theo nguyên giá.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tăng do XDCCB hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, do mua sắm, do nhận vốn góp liên doanh, do được cấp, do được tặng biếu, tài trợ. . . ;
- Điều chỉnh tăng nguyên giá của TSCĐ do xây lắp, trang bị thêm hoặc do cải tạo nâng cấp. . . ;
- Điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ do đánh giá lại.

Bên Có:

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình giảm do điều chuyển cho đơn vị khác, do nhượng bán, thanh lý hoặc đem đi góp vốn liên doanh,. . . ;
- Nguyên giá của TSCĐ giảm do tháo bớt một hoặc một số bộ phận;
- Điều chỉnh giảm nguyên giá TSCĐ do đánh giá lại.

Số dư bên Nợ:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hiện có ở doanh nghiệp.

Tài khoản 211 - Tài sản cố định hữu hình, có 6 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 2111 - Nhà cửa vật kiến trúc: Phản ánh giá trị các công trình XDCCB như nhà cửa, vật kiến trúc, hàng rào, bể, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí thiết kế cho nhà cửa, các công trình cơ sở hạ tầng như đường sá, cầu cống, đường sắt, cầu tàu, cầu cảng . . .

- Tài khoản 2112 - Máy móc thiết bị: Phản ánh giá trị các loại máy móc, thiết bị dùng trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm những máy móc chuyên dùng, máy móc, thiết bị công tác, dây chuyền công nghệ và những máy móc đơn lẻ.

- Tài khoản 2113 - Phương tiện vận tải, truyền dẫn: Phản ánh giá trị các loại phương tiện vận tải, gồm phương tiện vận tải đường bộ, đất, thủy, sông, hàng không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn (Thông tin, điện nước, băng chuyền tải vật tư, hàng hoá).

- Tài khoản 2114 - Thiết bị, dụng cụ quản lý: Phản ánh giá trị các loại thiết bị, dụng cụ sử dụng trong quản lý, kinh doanh, quản lý hành chính (Máy vi tính, quạt trần, quạt bàn, bàn ghế, thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng hút ẩm hút bụi, chống mối mọt. . .).

- Tài khoản 2115 - Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm: Phản ánh giá trị các loại TSCĐ là các loại cây lâu năm (Cà phê, chè, cao su, vườn cây ăn quả. . .) súc vật làm việc (Voi, bò, ngựa cày kéo. . .) và súc vật nuôi để lấy sản phẩm (Bò sữa, súc vật sinh sản. . .).

- Tài khoản 2118 - TSCĐ khác: Phản ánh giá trị các loại TSCĐ khác chưa phản ánh ở các tài khoản nêu trên (Như tác phẩm nghệ thuật, sách chuyên môn kỹ thuật. . .).

TK 212 “TSCĐ thuê tài chính” : theo dõi tình hình đi thuê TSCĐ dài hạn.

Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ: phản ánh nguyên giá TSCĐ thuê tài chính tăng trong kỳ.

Bên Có: phản ánh nguyên giá TSCĐ thuê tài chính giảm trong kỳ.

Dư Nợ : nguyên giá TSCĐ đang thuê dài hạn.

TK 213 “TSCĐ vô hình” phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động TSCĐ vô hình thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp theo chỉ tiêu nguyên giá.

Bên Nợ: phản ánh nguyên giá TSCĐ vô hình tăng trong kỳ.

Bên Có: phản ánh nguyên giá TSCĐ vô hình giảm trong kỳ.

Dư Nợ : phản ánh nguyên giá TSCĐ vô hình hiện có.

TK 213 được chi tiết thành các tài khoản cấp 2:

TK 2131: Quyền sử dụng đất.

TK 2132: Chi phí thành lập doanh nghiệp.

TK 2133: Bằng phát minh sáng chế.

TK 2134: Chi phí nghiên cứu, phát triển.

TK 2135: Chi phí về lợi thế thương mại.

TK 2138: TSCĐ vô hình khác.

TK 214 “ Hao mòn tài sản cố định” : theo dõi tình hình hiện có, biến động tăng, giảm khấu hao.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ: phản ánh giá trị hao mòn TSCĐ giảm trong kỳ.

Bên Có: phản ánh giá trị hao mòn TSCĐ tăng trong kỳ.

Dư Có : phản ánh giá trị hao mòn TSCĐ hiện có.

TK 214 được chi tiết thành các tài khoản cấp 2:

2141- Hao mòn TSCĐ hữu hình

2142- Hao mòn TSCĐ thuê tài chính

2143- Hao mòn TSCĐ vô hình

1.2.2.1 Kế toán tăng, giảm tài sản cố định hữu hình.

Kế toán tăng TSCĐ hữu hình:

Các nghiệp vụ tăng tài sản cố định hữu hình của doanh nghiệp có thể tăng do nhiều nguyên nhân như do mua sắm, do đầu tư xây dựng cơ bản, do nhận góp vốn,... Cách hạch toán một số nghiệp vụ tăng tài sản cố định hữu hình chủ yếu trong doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ dưới đây:

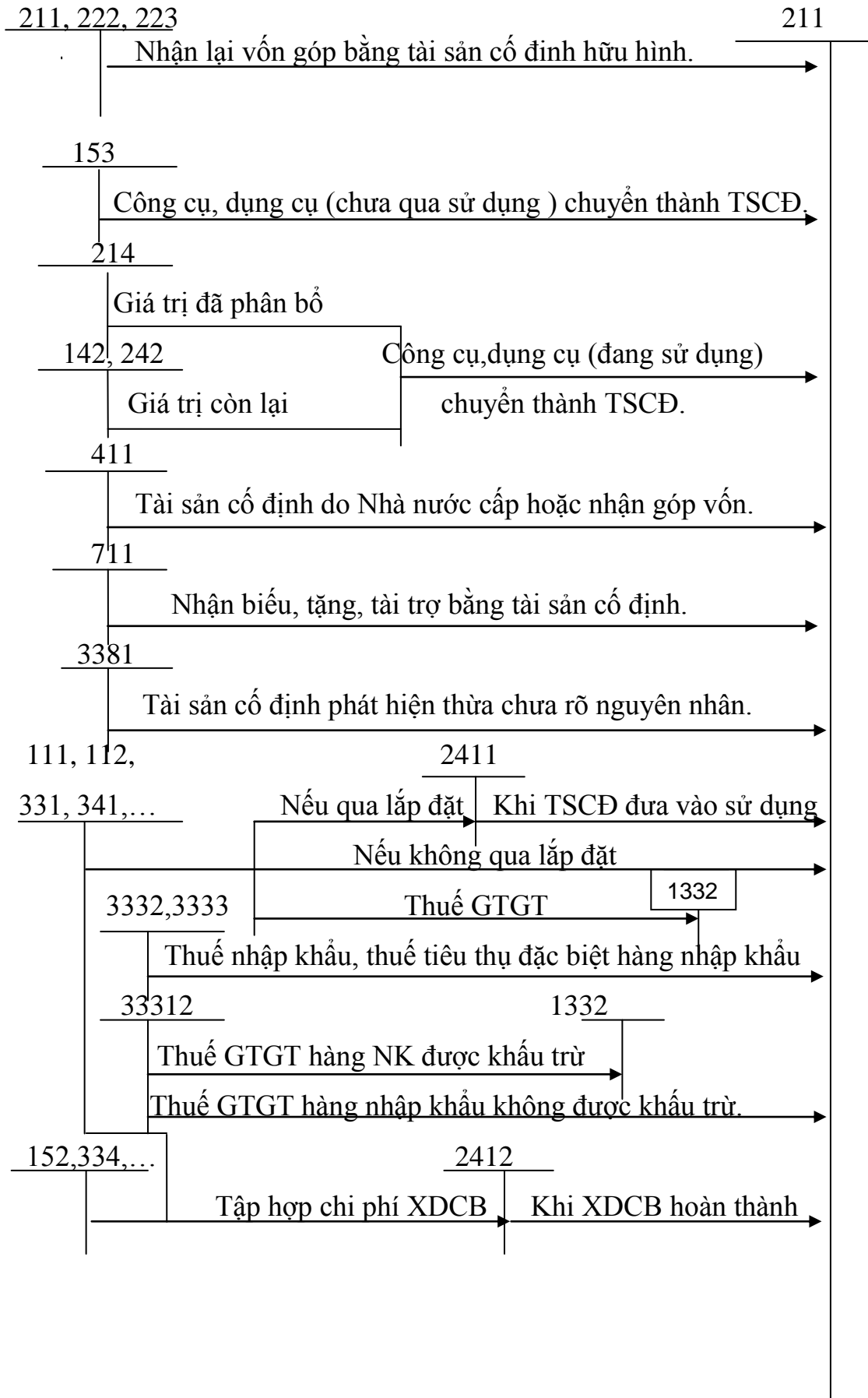
Đồng thời, nếu tài sản cố định được đầu tư bằng nguồn vốn chuyên dụng, kế toán sẽ ghi bút toán kết chuyển nguồn như sau:

Nợ TK 414 : Nếu tài sản được đầu tư bằng quỹ đầu tư phát triển.

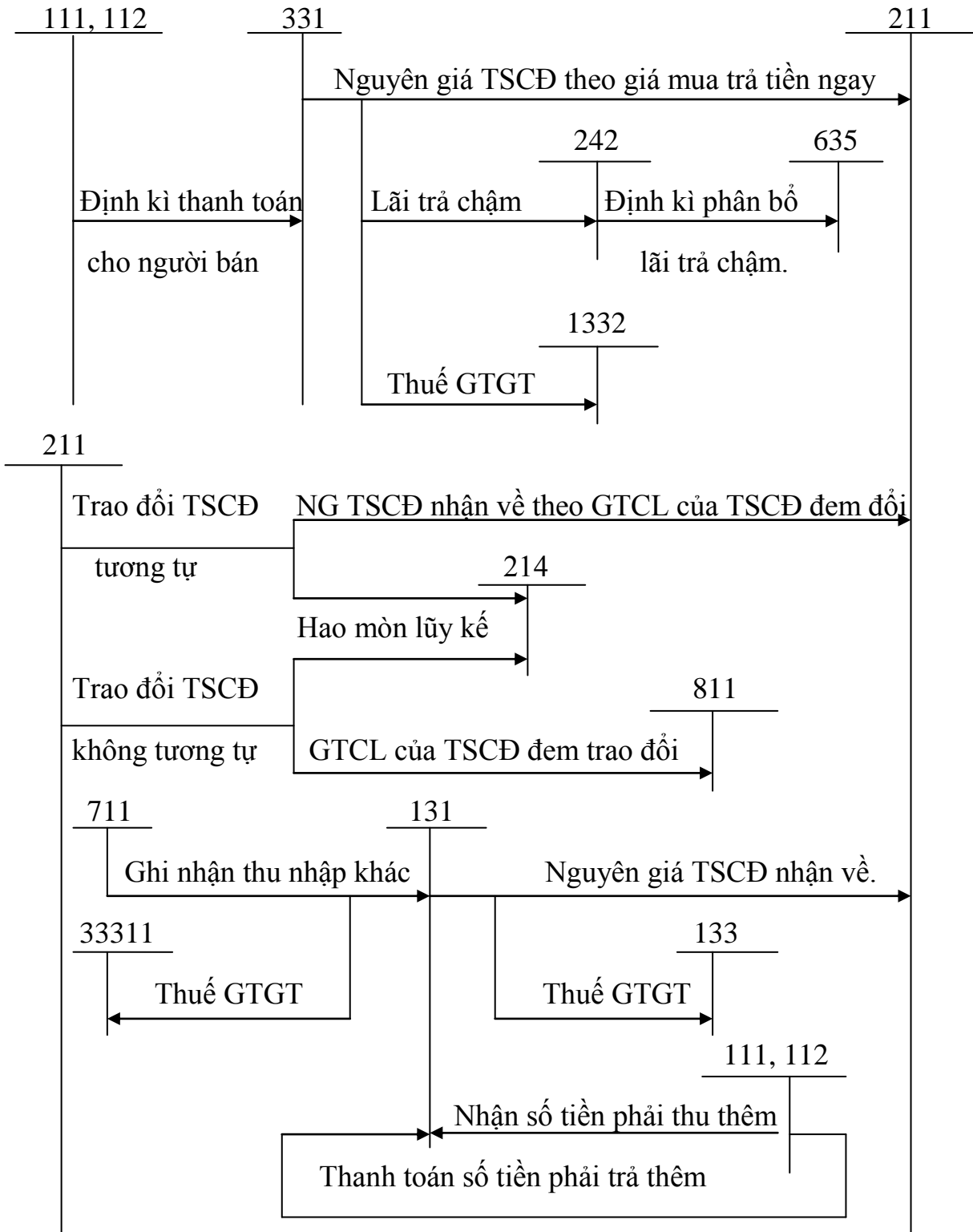
Nợ TK 441 : Nếu tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Có TK 411 : Nguyên giá tài sản cố định.

SƠ ĐỒ 1.1 Hạch toán một số nghiệp vụ tăng tài sản cố định hữu hình.



SƠ ĐỒ 1.1 Hạch toán một số nghiệp vụ tăng tài sản cố định hữu hình.(tiếp)

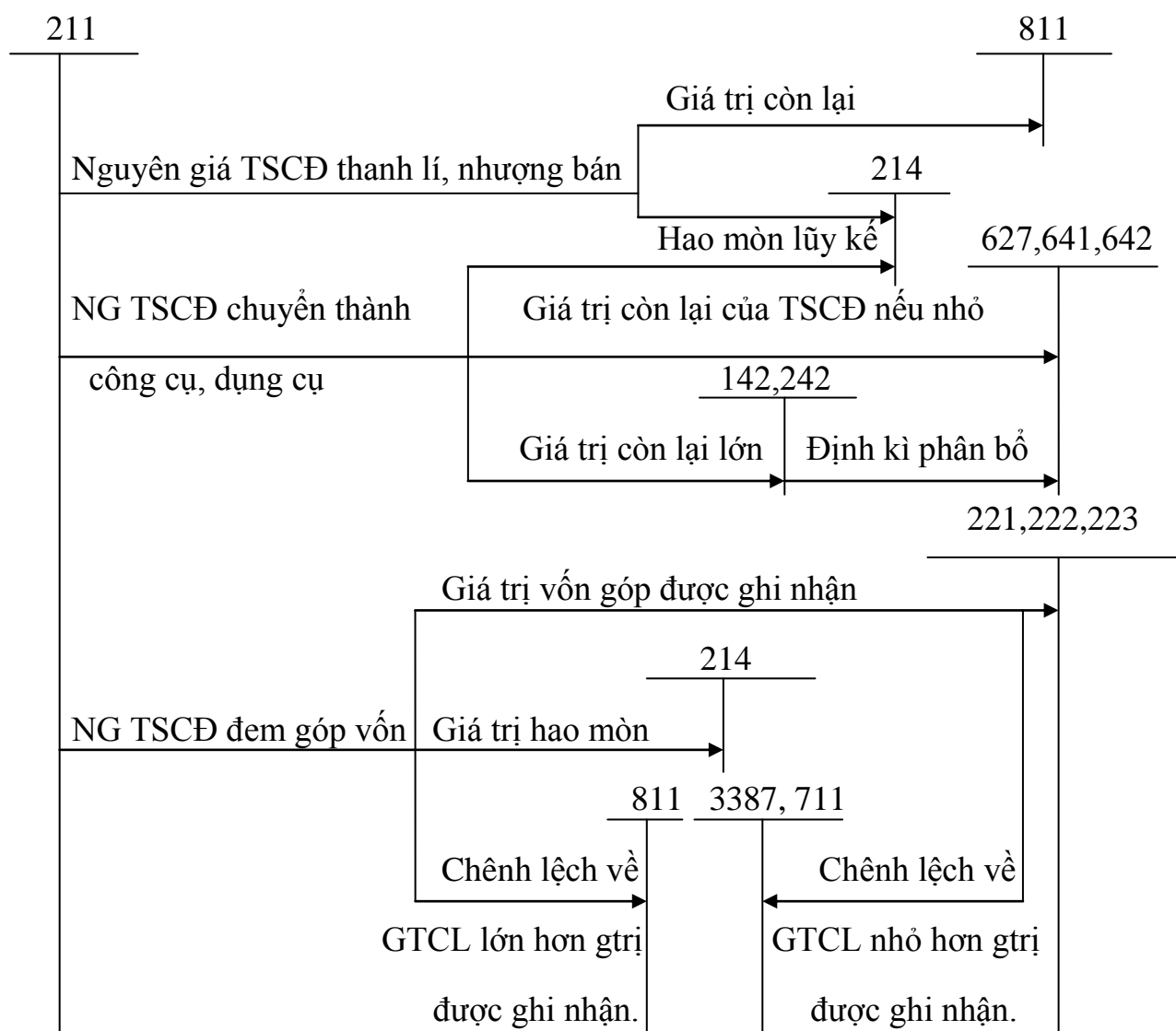


Kế toán giảm TSCĐ hữu hình:

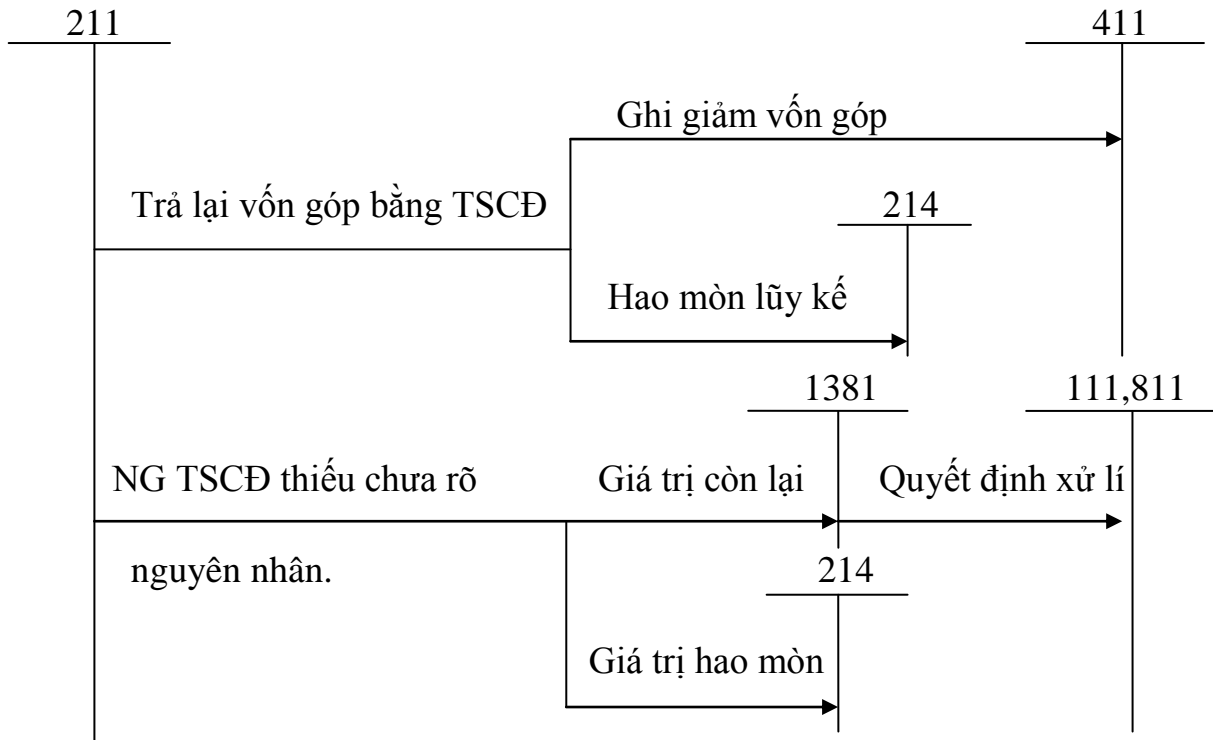
Tài sản cố định hữu hình của đơn vị giảm, do nhượng bán, thanh lý, mất mát, phát hiện thiếu khi kiểm kê, đem góp vốn liên doanh, điều chuyển cho đơn vị khác, tháo dỡ một hoặc một số bộ phận. . . Trong mọi trường hợp giảm TSCĐ hữu hình, kế toán phải làm đầy đủ thủ tục, xác định đúng những khoản thiệt hại và thu nhập (nếu có).

Cách hạch toán một số nghiệp vụ giảm tài sản cố định hữu hình trong doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ sau đây:

SƠ ĐỒ 1.2 Hạch toán một số nghiệp vụ giảm tài sản cố định hữu hình.



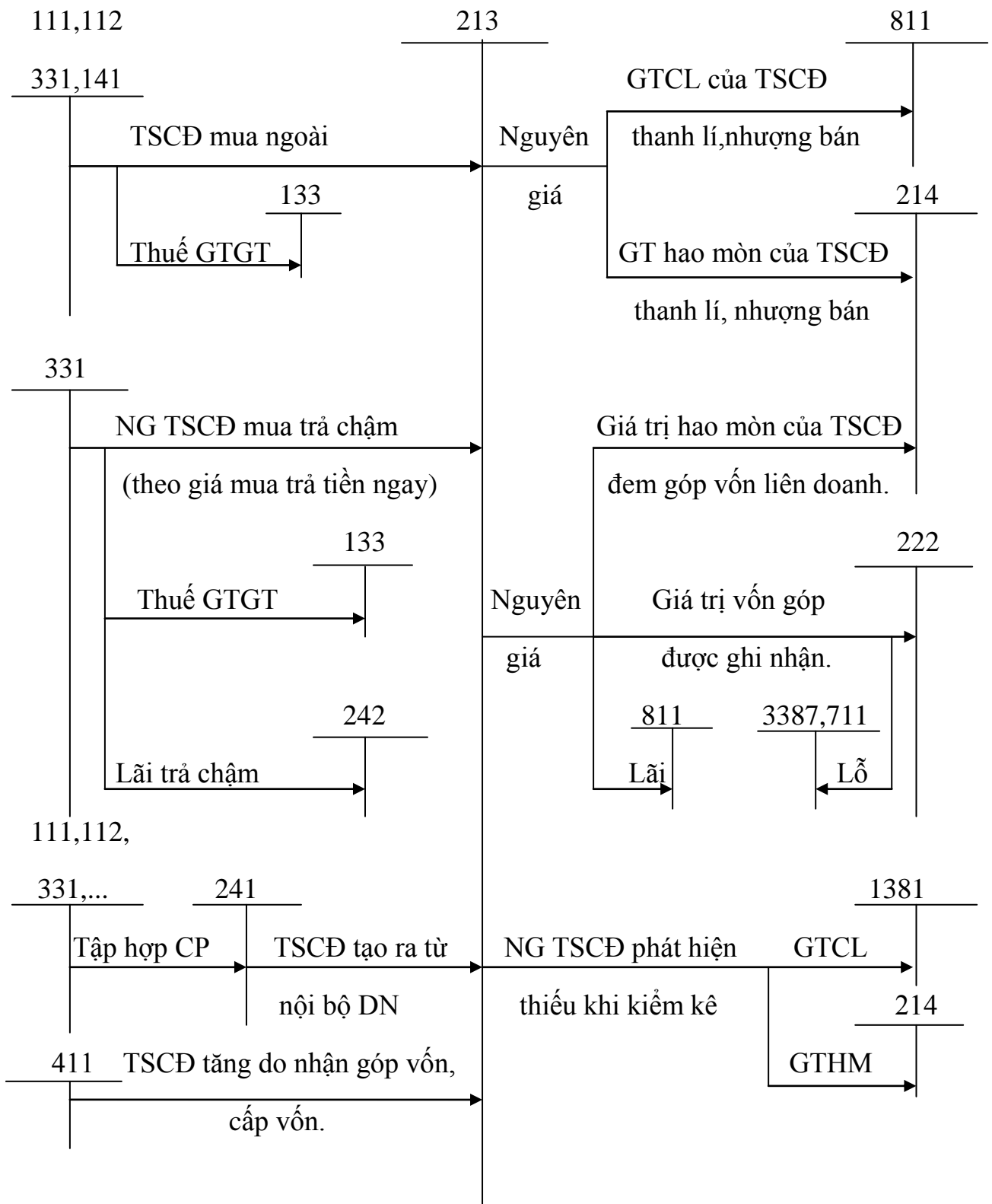
SƠ ĐỒ 1.2 Hạch toán một số nghiệp vụ giảm tài sản cố định hữu hình.(tiếp)



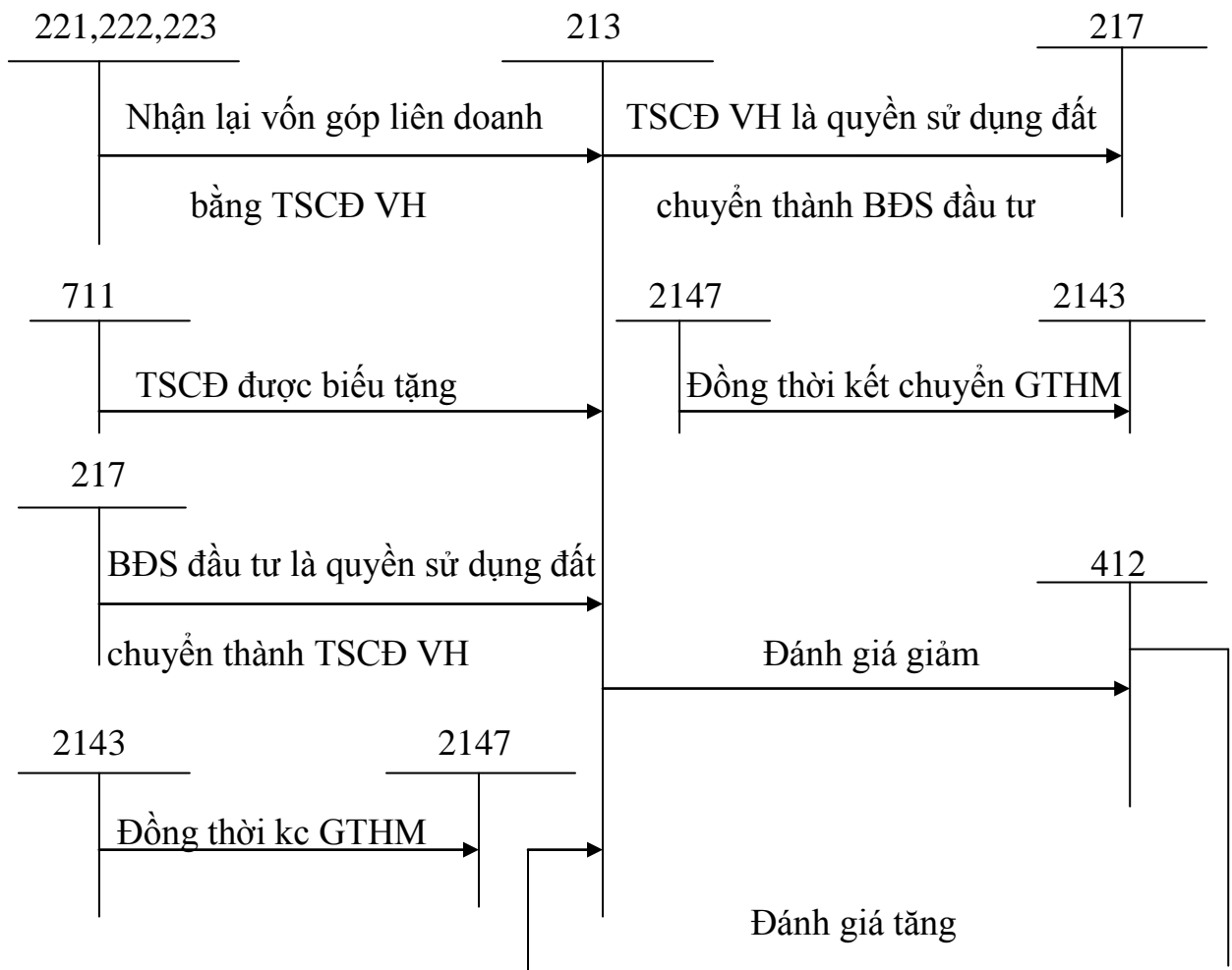
1.2.2.2 Kế toán tăng, giảm tài sản cố định vô hình.

Tương tự như tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình trong doanh nghiệp có thể tăng hoặc giảm do nhiều nguyên nhân. Việc hạch toán các nghiệp vụ tăng, giảm tài sản cố định vô hình cơ bản giống như cách hạch toán các nghiệp vụ tăng, giảm tài sản cố định hữu hình. Dưới đây là sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ tăng, giảm tài sản cố định vô hình thường gặp trong doanh nghiệp:

SƠ ĐỒ 1.3 Hạch toán một số nghiệp vụ tăng, giảm tài sản cố định vô hình.



SƠ ĐỒ 1.3 Hạch toán một số nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ vô hình.(tiếp)



1.2.2.3 Kế toán khấu hao tài sản cố định trong doanh nghiệp.

Định kì kế toán trích khấu hao tài sản cố định và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán ghi:

Nợ TK 627,641,642: khấu hao tài sản cố định dùng cho sản xuất kinh doanh.

Có TK 214: số khấu hao phải trích.

Đối với tài sản cố định dùng cho sự nghiệp, dự án, hoạt động văn hóa, phúc lợi kế toán không trích khấu hao mà chỉ xác định giá trị hao mòn vào cuối năm tài chính và ghi giảm nguồn vốn tương ứng bằng bút toán:

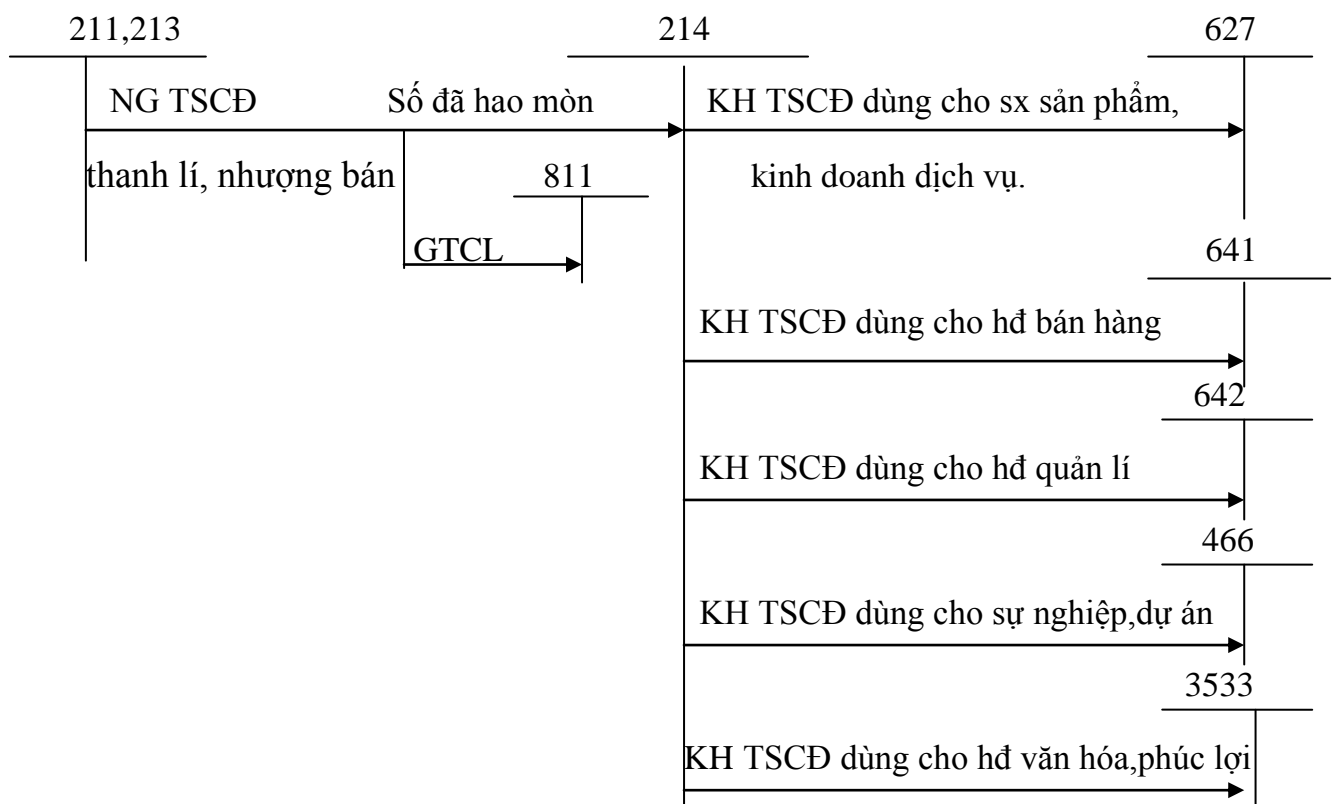
Nợ TK 466: giảm nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định.

Nợ TK 3533: giảm quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định.

Có TK 214 : Tăng giá trị hao mòn của tài sản cố định.

Việc hạch toán khấu hao tài sản cố định được khái quát theo sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ 1.4 Hạch toán khấu hao tài sản cố định.



1.2.2.4 Kế toán sửa chữa tài sản cố định.

Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định có thể bị hư hỏng, cần sửa chữa. Sửa chữa tài sản cố định là việc bảo dưỡng, thay thế, sửa chữa những hư hỏng phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm khôi phục lại những năng lực hoạt động theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu. Tùy theo mức độ sửa chữa, người ta chia thành sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn và sửa chữa nâng cấp.

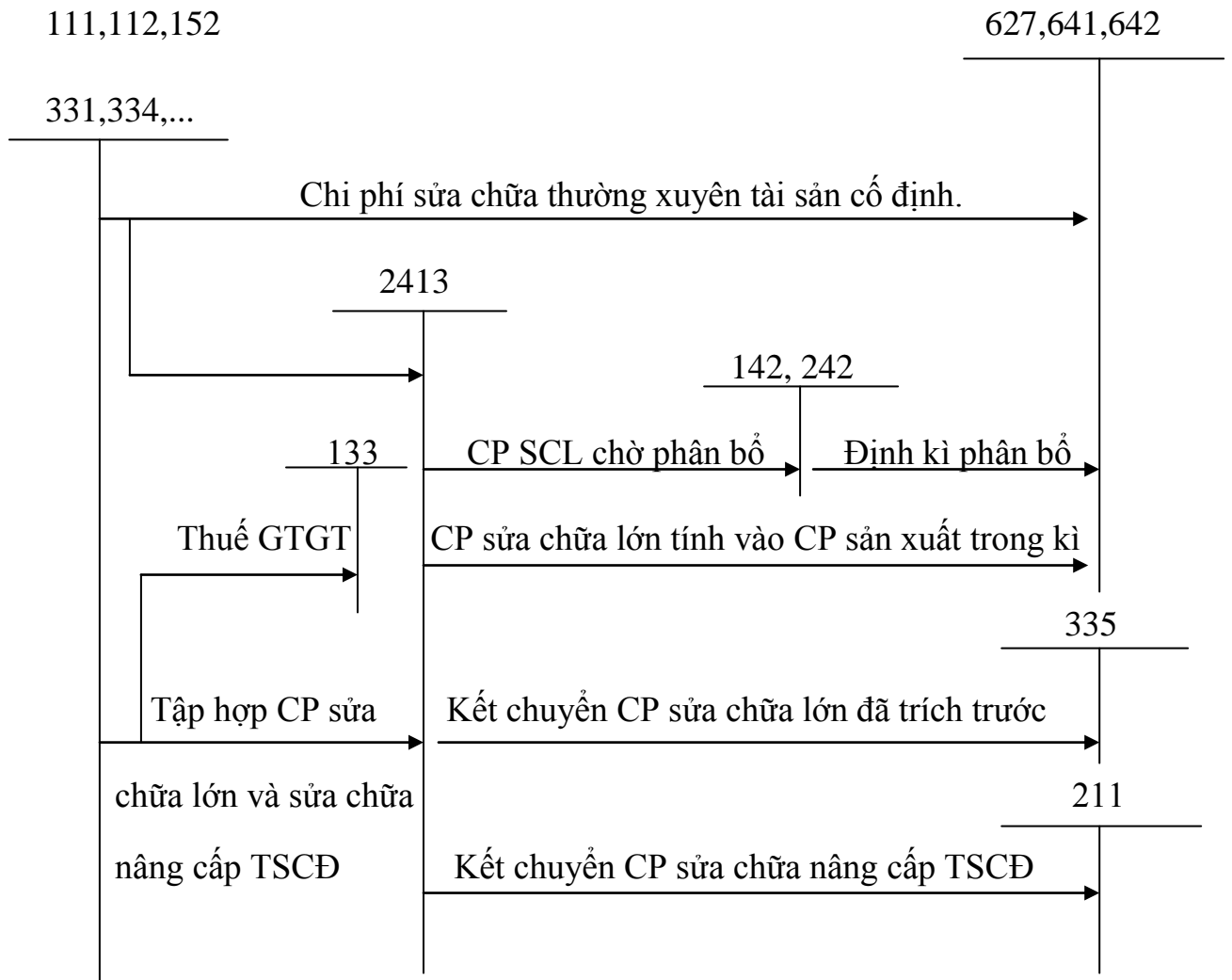
Sửa chữa thường xuyên tài sản cố định: là sửa chữa nhỏ, trong thời gian ngắn, quy mô nhỏ, chi phí ít. Vì vậy, chi phí sửa chữa thường xuyên được tập hợp trực tiếp vào chi phí kinh doanh của kì hạch toán mà nghiệp vụ sửa chữa diễn ra.

Sửa chữa lớn tài sản cố định: là sửa chữa, thay thế những bộ phận bị hư hỏng trong quá trình sử dụng mà nếu không thay thế, sửa chữa thì tài sản cố định không hoạt động hoặc hoạt động không bình thường. Sửa chữa lớn có chi phí cao, thời gian thường kéo dài. Chi phí sửa chữa lớn được tập hợp riêng cho từng đối tượng qua TK “ 2413: sửa chữa lớn tài sản cố định” và chi phí này được phân bổ vào chi phí kinh doanh của nhiều kì hạch toán. Sửa chữa lớn tài sản cố định có thể dự kiến trước về thời gian và chi phí theo dự toán.

Sửa chữa nâng cấp tài sản cố định: Là sửa chữa có tính chất tăng thêm tính hoạt động hoặc kéo dài tuổi thọ của tài sản cố định. Bản chất của nghiệp vụ sửa chữa nâng cấp tài sản cố định là một nghiệp vụ đầu tư bổ xung cho tài sản cố định. Chi phí sửa chữa nâng cấp cũng được tập hợp theo từng đối tượng qua tài khoản: 2413 như sửa chữa lớn. Khi việc sửa chữa nâng cấp hoàn thành, giá trị nâng cấp sẽ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa nâng cấp tài sản cố định bù đắp bằng nguồn vốn chuyên dùng thì kế toán đồng thời ghi bút toán kết chuyển nguồn.

Trình tự hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động sửa chữa tài sản cố định thể hiện qua sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ 1.4 Hạch toán các nghiệp vụ sửa chữa tài sản cố định.



1.3 Tổ chức sổ sách kế toán tài sản cố định.

1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản:

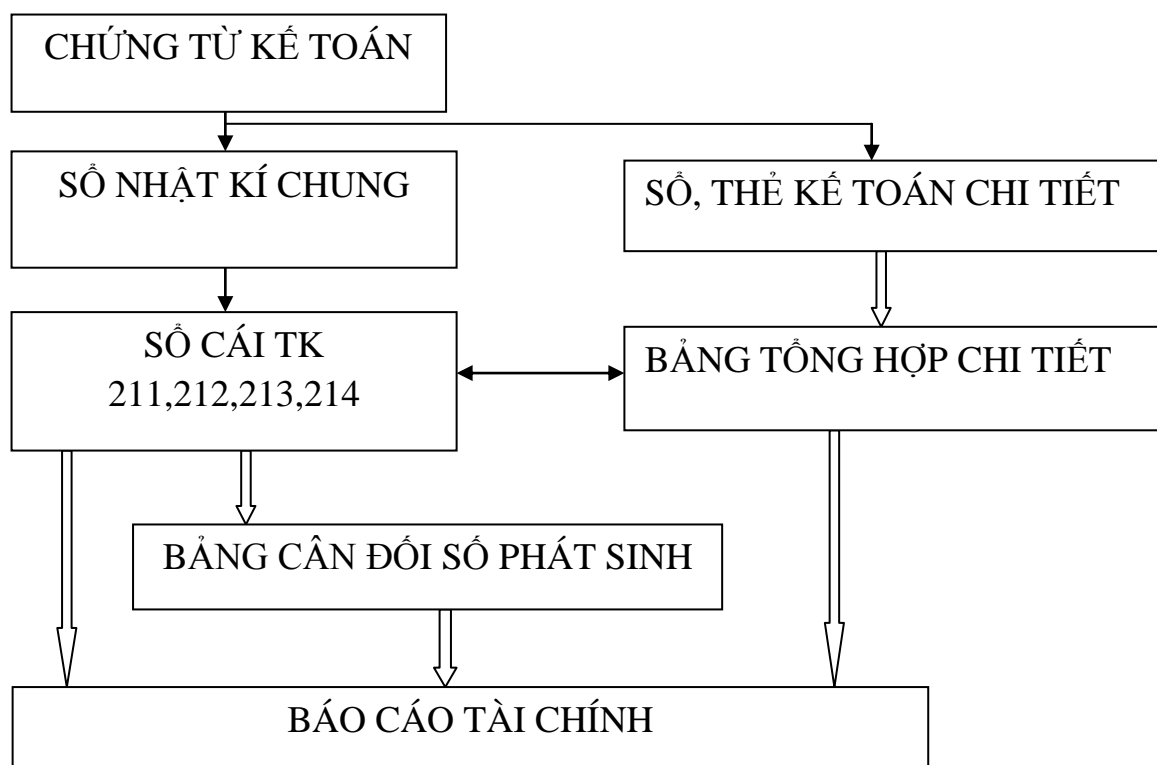
Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ:

BIỂU SỐ 01: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC
KẾ TOÁN NHẬT KÍ CHUNG



GHI CHÚ:	
Ghi hàng ngày	→
Ghi định kì	⇨
Quan hệ đối chiếu	↔

1.3.2 Hình thức kế toán nhật kí – sổ cái.

Đặc trưng cơ bản:

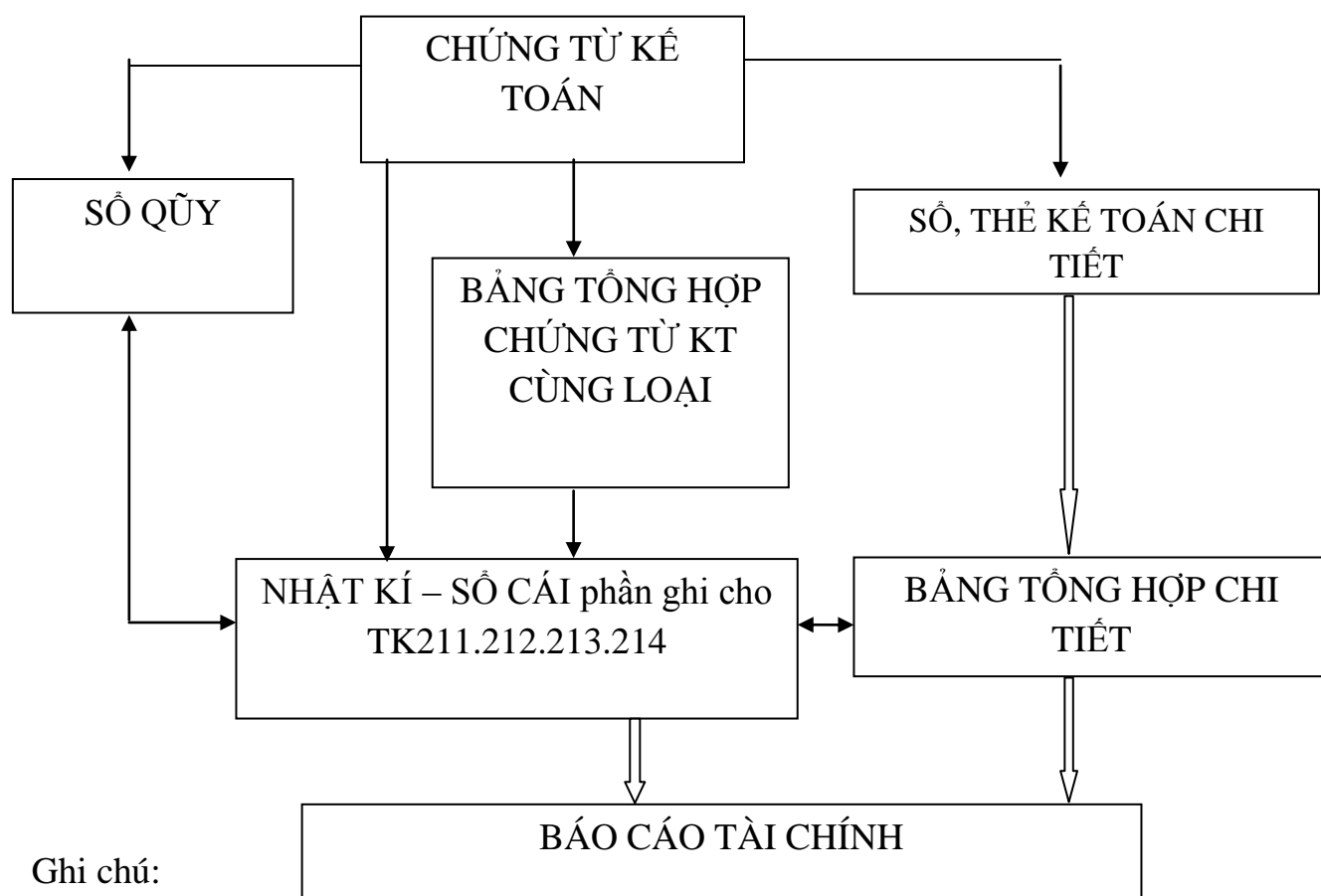
Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ nhật kí – sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ nhật kí – sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Sổ sách sử dụng:

- Nhật kí – sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ

BIỂU SỐ 02: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC
KẾ TOÁN NHẬT KÍ – SỔ CÁI



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kì: ⇨

Đối chiếu, kiểm tra: ↔

1.3.3 Hình thức chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản:

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

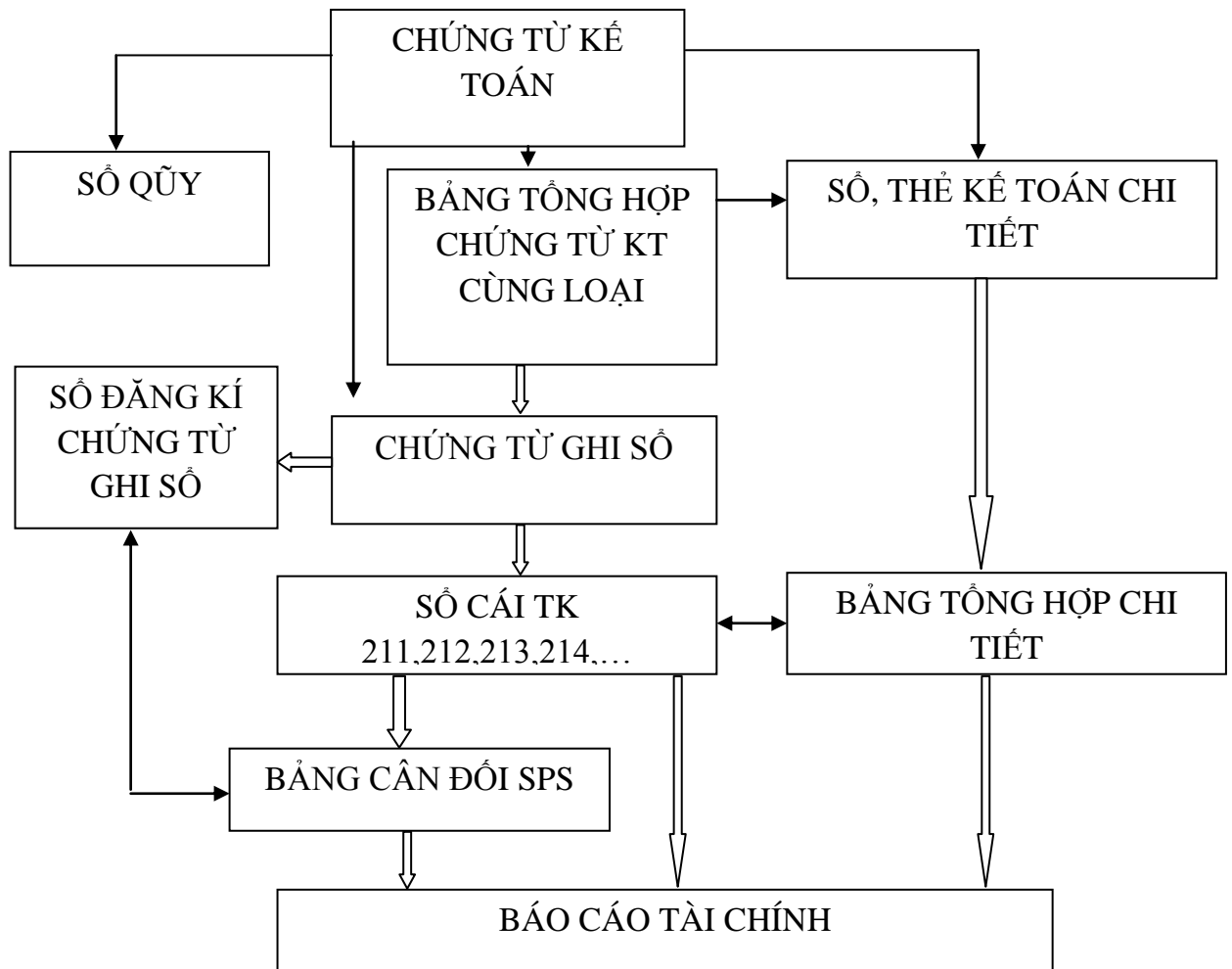
Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Sổ sách sử dụng:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ

BIỂU SỐ 03: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC
KẾ TOÁN NHẬT KÍ – SỔ CÁI



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kì: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

1.3.4 Hình thức kế toán nhật kí - chứng từ

Đặc trưng cơ bản:

- + Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- + Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
- + Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
- + Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

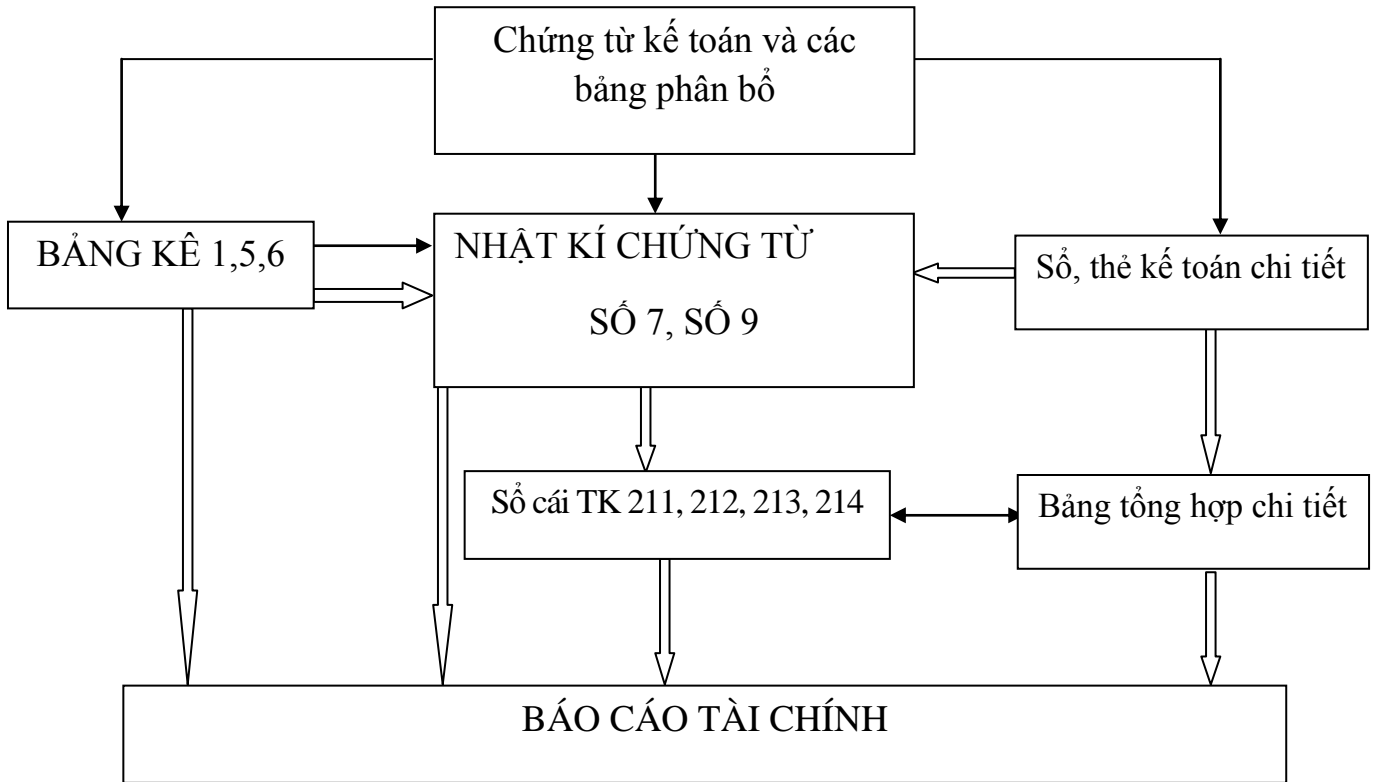
Sổ sách sử dụng:

- Nhật kí chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ cái;
- Sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ:

BIỂU SỐ 4:

TRÌNH TỰ GHI SỔ THEO HÌNH THỨC NHẬT KÍ – CHỨNG TỪ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kì: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

1.3.5 Hình thức kế toán máy

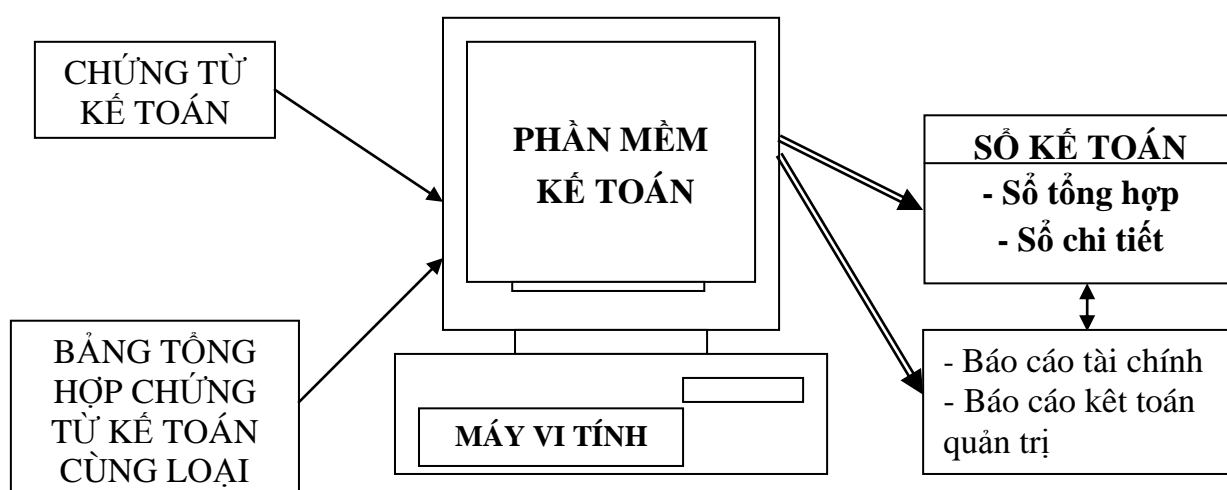
Đặc trưng cơ bản:

Công việc kế toán trên máy vi tính được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Sổ sách sử dụng:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó.

BIỂU SỐ 5:
TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →
Ghi định kì: ==>
Đối chiếu, kiểm tra: <==

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN TÀI SẢN CÓ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TOÀN MỸ.

2.1 Khái quát về công ty trách nhiệm hữu hạn Toàn Mỹ.

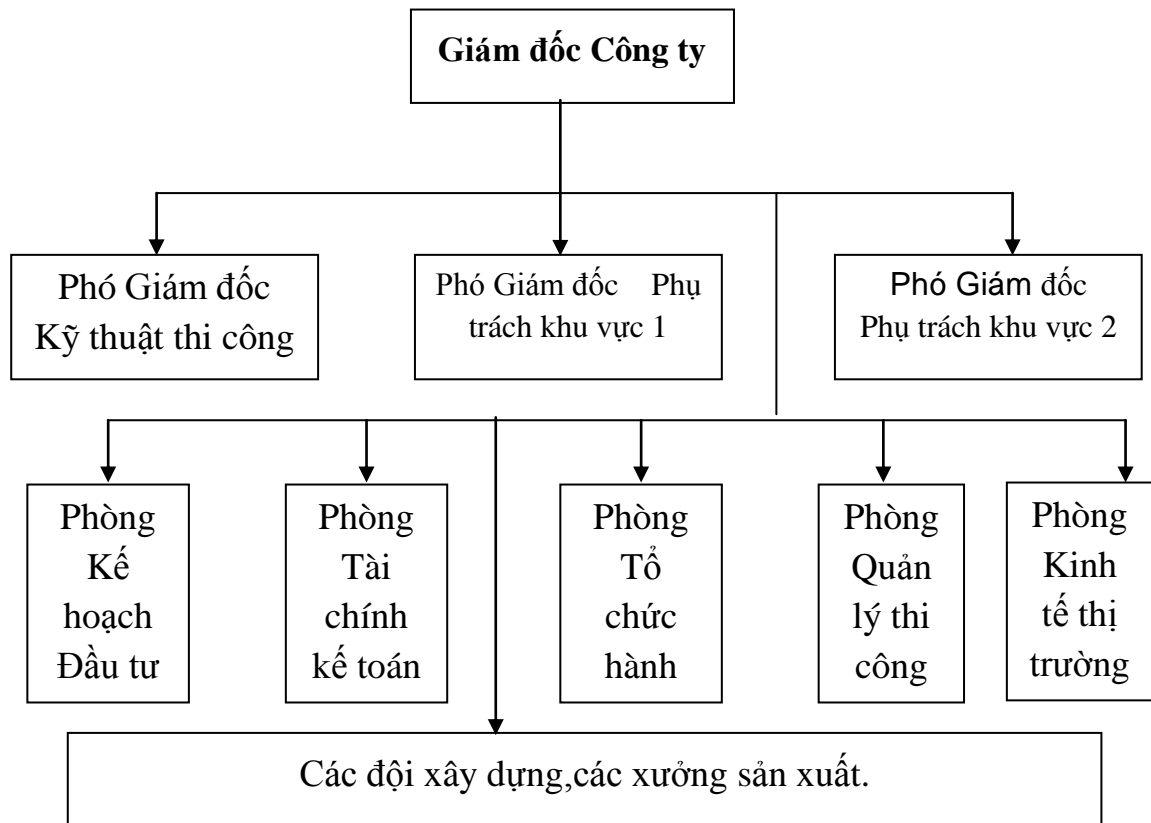
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển.

- Tên đầy đủ: Công ty trách nhiệm hữu hạn Toàn Mỹ
- Địa chỉ: Km 19 Quốc lộ 10, Xã Kiên Bái, huyện Thủy Nguyên, HP
- Tel: 0313.645.636
- Fax: 0313.645.634
- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Sỹ Tình
- Mã số thuế: 0200.160.843
- TK : 21.052.11.000.247 tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Thủy Nguyên- thành phố Hải phòng.
- Công ty TNHH Toàn Mỹ (tên tiếng Anh là Toàn Mỹ Company co.,ltd) là một doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong lĩnh vực xây lắp theo mô hình độc lập. Được thành lập từ năm 1997 trải qua hơn 15 năm hình thành và phát triển, Công ty đã dần dần khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực xây lắp và có được uy tín lớn trên thị trường.
 - Công ty TNHH Toàn Mỹ được thành lập ngày 25/03/1997. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Km 19 Quốc lộ 10, Xã Kiên Bái – huyện Thủy Nguyên – TP Hải Phòng, với địa bàn hoạt động trên phạm vi cả nước nhưng chủ yếu vẫn là các tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc.
 - Công ty TNHH Toàn Mỹ có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam thực hiện chế độ hạch toán độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng theo quy định của pháp luật, được tổ chức và hoạt động theo điều lệ công ty và luật Doanh nghiệp, được đăng ký kinh doanh theo luật định.
 - Công ty TNHH Toàn Mỹ hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:
 - Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cầu tàu, bến cảng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp có các quy mô trung và hiện đại.
 - Thi công xây dựng điện nước, lắp đặt các thiết bị công nghiệp công trình và cấu kiện xây dựng, các công trình kênh, đập, trạm bơm.

- Hoàn thiện, trang trí nội ngoại thất, thiết kế xây dựng vườn hoa cây cảnh.
- Xây dựng các trạm biến thế và các đường dây trung, cao thế, hạ thế.
- Khai thác kinh doanh và các vật liệu xây dựng: cát, đá, bê tông thương phẩm.
- Hợp tác liên doanh với các đơn vị trong và ngoài nước trên các lĩnh vực công nghệ xây dựng và thi công các công trình xây dựng.
- Sản phẩm của Công ty rất đa dạng, những sản phẩm này mang tính chất của các sản phẩm xây lắp. Đó là những công trình, hạng mục công trình có quy mô vừa và lớn, mang tính đơn chiếc, vừa đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật vừa đáp ứng các tiêu chuẩn về mỹ thuật; có thời gian xây dựng, sử dụng lâu dài, vốn đầu tư lớn. Tính chất hàng hóa của sản phẩm xây lắp không thể hiện rõ (vì đã quy định giá cả từ trước khi xây dựng thông qua hợp đồng giao nhận thầu). Hoạt động xây lắp thường tiến hành ngoài trời nên tiến độ, chất lượng công trình đôi khi phụ thuộc vào thời tiết. Công ty có nhiều nhóm sản phẩm xây dựng khác nhau như:
 - Công trình dân dụng, công nghiệp
 - Công trình hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp
 - Công trình giao thông, cầu đường
 - Công trình thủy lợi, kênh mương, đê kè, trạm bơm
 - Kinh doanh xăng dầu
 - Dịch vụ kinh doanh sửa chữa ô tô

2.1.2 Đặc điểm tổ chức quản lý và tổ chức sản xuất của công ty.

Để phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý, Công ty TNHH Toàn Mỹ tổ chức quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng. Với cơ cấu này, các phòng ban chức năng có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc, vừa phát huy được năng lực chuyên môn của các phòng ban chức năng, vừa đảm bảo quyền chỉ huy, điều hành của Giám đốc, các Phó Giám đốc. Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý công ty

+ **Giám đốc Công ty** có vị trí và thẩm quyền cao nhất Công ty, chịu trách nhiệm lãnh đạo và điều hành mọi hoạt động của Công ty. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật. Giám đốc Công ty có trách nhiệm quản lý tài chính của Công ty, đảm bảo sử dụng hiệu quả và phát triển nguồn vốn.

+ **Các Phó Giám đốc:** Do Giám đốc bổ nhiệm và được Giám đốc phân công quyết định những công việc của Công ty, thay mặt Giám đốc điều hành sản xuất kinh doanh khi Giám đốc đi vắng, trực tiếp phụ trách các mảng công việc cụ thể, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Giám đốc, về nhiệm vụ được phân công, ủy quyền. Hiện nay Công ty có 3 Phó Giám đốc gồm Phó Giám đốc Kỹ thuật thi công và 2 Phó Giám đốc Phụ trách Khu vực.

+ **Phòng Kế hoạch đầu tư:** Lập kế hoạch đầu tư của Công ty, thẩm định dự án đầu tư, lập dự toán công trình, hạng mục công trình để chuẩn bị tham gia đấu thầu, lập định mức vật tư theo dự toán, duyệt dự toán và quyết toán các công trình, hạng mục công trình.

+ **Phòng Tài chính kế toán:** Với chức năng là phòng chuyên môn tham mưu, giúp việc Giám đốc Công ty quản lý và tổ chức thực hiện các công tác,

quản lý vốn và tài sản, hạch toán sản xuất kinh doanh, tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động tài chính hàng năm. Đề xuất với lãnh đạo Công ty những giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế của Công ty.

+ **Phòng Tổ chức hành chính:** Có nhiệm vụ tổ chức, tuyển chọn lao động, phân công lao động, sắp xếp điều phối lao động, phụ trách công tác hành chính, hình thành các chứng từ về lao động tiền lương, các khoản phúc lợi khác theo chế độ quy định.

+ **Phòng Quản lý thi công:** Quản lý kỹ thuật, mỹ thuật, tiến độ thi công, quản lý chất lượng công trình, tổng kết kinh nghiệm trong quá trình xây lắp, quản lý hướng dẫn các biện pháp về an toàn lao động.

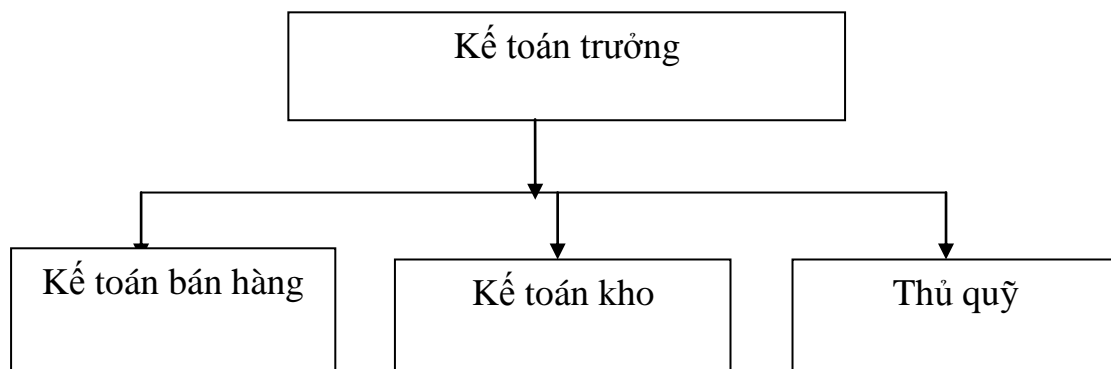
+ **Phòng Kinh tế thị trường:** Nghiên cứu thị trường, xây dựng và tham mưu cho Giám đốc các phương án tiếp cận thị trường.

+ **Các đội xây dựng:** Bao gồm các đội trưởng, nhân viên kỹ thuật, nhân viên kinh tế và công nhân trực tiếp xây lắp, thực hiện thi công công trình, hạng mục công trình theo hình thức nhận khoán từ Công ty, không tổ chức bộ máy kế toán riêng. Định kỳ đội xây dựng sẽ nộp về Công ty các khoản phụ phí quản lý Công ty (thu cơ chế) tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị sản lượng thực hiện.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty.

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty.



* Chức năng nhiệm vụ:

- **Kế toán trưởng:**

+ Là người chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về việc chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác kế toán trong Công ty. Kế toán trưởng có chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo chung mọi hoạt động bộ máy kế toán của công ty, bao gồm các môi

quan hệ tài chính với cơ quan thuế, kiểm toán, lập các bảng biểu về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, đồng thời là kế toán lương và tài sản cố định.

+ Thường xuyên tham mưu giúp việc cho giám đốc thấy rõ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình, từ đó đề ra biện pháp xử lý.

- **Thủ quỹ:** giữ tiền; nhập xuất tiền theo giấy tờ hợp lệ của cơ quan (phiếu chi, phiếu thu); Lập sổ quỹ tiền mặt.

- **Kế toán bán hàng:** chịu trách nhiệm về hàng hóa được bán ra. Tổng hợp doanh thu và giá thành báo cáo cho kế toán trưởng để làm kê khai thuế và xác định kết quả kinh doanh trong công ty.

- **Kế toán kho:** theo dõi sự biến động tăng giảm về nguyên vật liệu, hàng hóa và các sản phẩm trong công ty.

2.1.3.2 Tổ chức vận dụng chế độ kế toán.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Toàn Mỹ áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Về hệ thống tài khoản kế toán, công ty sử dụng hệ thống tài khoản theo danh mục tài khoản tại quyết định số 48/2006/QĐ – BTC. Một số tài khoản cấp 2 và cấp 3 được mở chi tiết thêm so với danh mục tài khoản cho phù hợp với đặc điểm sản xuất, kinh doanh của công ty.

Về hệ thống báo cáo tài chính, phòng kế toán công ty lập báo cáo tài chính định kì theo kì kế toán năm. Hệ thống báo cáo tài chính bao gồm:

- | | |
|--|-------------------|
| - Bảng cân đối kế toán. | Mẫu số B 01 – DNN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B 02 – DNN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B 03 – DNN |
| - Bản thuyết minh báo cáo tài chính. | Mẫu số B 09 – DNN |

Về tổ chức chứng từ kế toán, công ty sử dụng hệ thống chứng từ kế toán theo quy định của Bộ tài chính. Các chứng từ, hóa đơn phát sinh tại các bộ phận, phòng ban của công ty được tập hợp lại và chuyển về phòng kế toán của công ty. Phòng kế toán của công ty có nhiệm vụ quản lí mọi chứng từ và hóa đơn này. Việc tổ chức chứng từ kế toán được công ty thực hiện đúng theo chế độ quy định từ việc lập chứng từ, kiểm tra chứng từ, luân chuyển chứng từ, bảo quản và lưu giữ chứng từ.

Về chế độ sổ kế toán và hình thức kế toán, hiện nay công ty đang áp dụng hình thức sổ kế toán theo hình thức nhật kí chung.

Theo hình thức này, sổ sách kế toán tại công ty gồm:

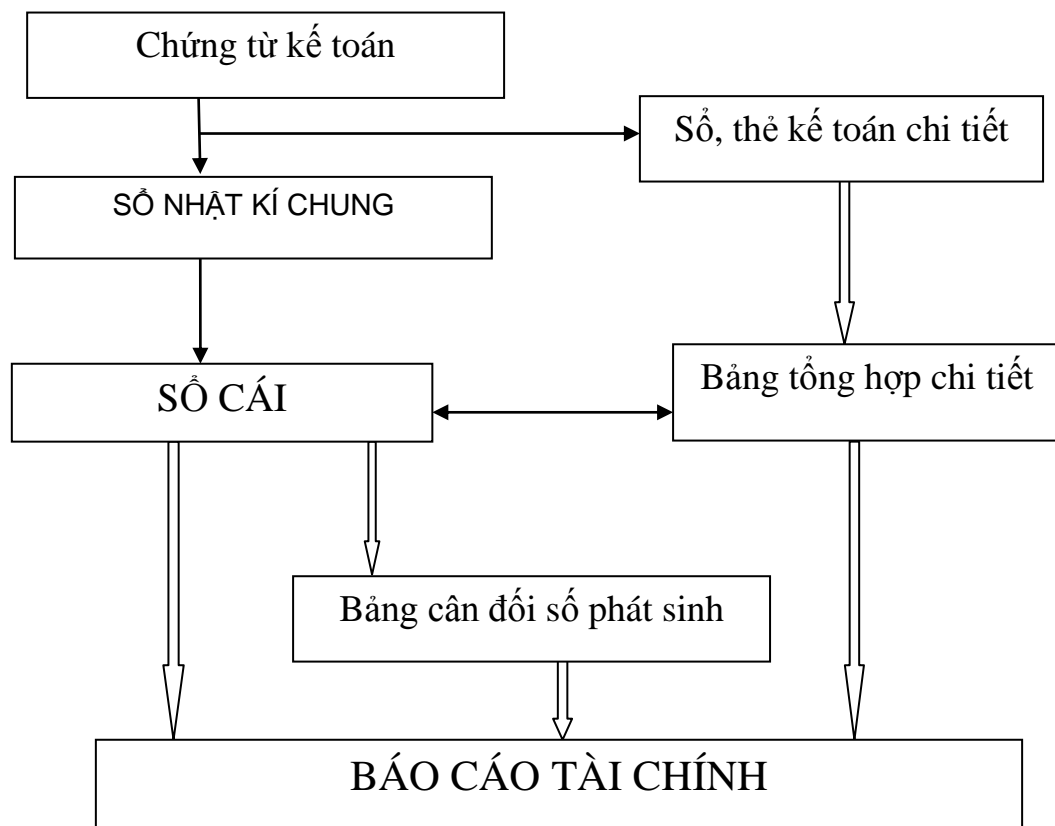
- Sổ nhật kí chung.
- Sổ cái các tài khoản.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Các phương pháp kế toán công ty sử dụng:

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: phương pháp đường thẳng .
- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: bình quân gia quyền cả kì.
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ .
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Dưới đây là sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tại công ty:

Sơ đồ 2.3 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật kí chung tại công ty.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối kì: \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Cuối ngày, căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối kì, kế toán sẽ cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các sổ, thẻ chi tiết; bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ nhật ký chung cùng kì.

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán tài sản cố định tại công ty trách nhiệm hữu hạn Toàn Mỹ.

2.2.1 Đặc điểm, đánh giá và phân loại tài sản cố định tại công ty.

Tài sản cố định của công ty TNHH Toàn Mỹ rất đa dạng và được phân loại theo hình thức biểu hiện:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: nhà văn phòng, nhà xưởng, xưởng sửa chữa ô tô, nhà cây xăng,...
- Máy móc, thiết bị: máy cắt, uốn thép, cầu nâng ô tô cắt kéo thủy lực, máy bơm xăng, máy trộn bê tông,...
- Phương tiện vận tải: ô tô tải, ô tô venza, ô tô yaris,...
- Thiết bị, dụng cụ quản lí: đồ dùng văn phòng, bàn ghế phòng kinh doanh,...

Các tài sản cố định trong công ty được đánh giá theo 3 chỉ tiêu là: nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại. Cách đánh giá tài sản cố định được công ty thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Trong năm 2014, tài sản cố định tăng chủ yếu do mua sắm. Công ty đánh giá nguyên giá trong trường hợp mua sắm như sau:

Nguyên giá = Giá mua thực tế + các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Ví dụ: Ngày 01/ 8/ 2014, công ty mua máy trộn bê tông IZC 350 (MMTBT43) với giá mua thực tế là 45.450.000, không phát sinh các khoản chi phí liên quan đến mua sắm khác nên nguyên giá của máy trộn bê tông IZC 305 là:

$$\text{Nguyên giá} = \text{giá mua thực tế} = 45.450.000 \text{ (đồng)}$$

Tài sản cố định trong công ty được tính khấu hao hàng tháng theo phương pháp đường thẳng. Giá trị còn lại của tài sản cố định được tính dựa trên nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản theo công thức:

$$\text{Giá trị còn lại} = \text{Nguyên giá} - \text{Hao mòn lũy kế}$$

Ví dụ: Máy trộn bê tông IZC 350 nguyên giá 45.450.000 đồng trên có thời gian sử dụng ước tính là 8 năm (96 tháng) bắt đầu tính khấu hao từ ngày 1/08/ 2014.

$$45.450.000$$

$$\text{Mức khấu hao 1 tháng của máy trộn bê tông IZC 350} = \frac{\quad}{96} = 473.437 \text{ (đồng/ tháng)}$$

Giá trị hao mòn lũy kế của máy trộn bê tông IZC 350 (tính đến 31/12/ 2014):

$$= 473.437 \times 5 = 2.367.187 \text{ (đồng)}$$

Giá trị còn lại của máy trộn bê tông IZC 350 đến ngày 31/12/ 2014:

$$= 45.450.000 - 2.367.187 = 43.082.813 \text{ (đồng)}$$

2.2.2 Kế toán chi tiết tài sản cố định tại công ty.

Kế toán chi tiết tài sản cố định trong doanh nghiệp giúp cung cấp thông tin chi tiết về từng tài sản cố định của doanh nghiệp. Kế toán chi tiết tài sản cố định tại công ty TNHH Toàn Mỹ được tiến hành như sau:

Khi có tài sản cố định tăng, toàn bộ chứng từ liên quan đến nghiệp vụ tăng tài sản cố định được tập hợp về phòng kế toán. Nhân viên kế toán tài sản cố định căn cứ các chứng từ này để lập thẻ tài sản cố định cho tài sản đó. Các chứng từ liên quan như hợp đồng, biên bản giao nhận, hóa đơn,... được lưu vào hồ sơ tài sản cố định.

Căn cứ vào thời gian sử dụng, giá trị còn lại và khả năng hoạt động thực tế của tài sản cố định hoặc xuất phát từ nhu cầu đổi mới tài sản cố định trong công ty mà công ty sẽ tiến hành hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định. Tài sản cố định có quyết định thanh lý, nhượng bán được đánh giá bởi hội đồng thanh lý (gồm giám đốc, kế toán trưởng, đại diện phòng kỹ thuật), sau đó giao cho phòng kinh doanh tiến hành giao bán và làm thủ tục mua bán. Trường hợp giá trị còn lại của tài sản nhỏ, công ty sẽ không tiến hành đánh giá mà giá thanh lý sẽ là giá thỏa thuận giữa công ty với bên mua tài sản cố định.

Cũng tương tự nghiệp vụ tăng tài sản cố định, sau khi quá trình thanh lý, nhượng bán hoàn tất, mọi chứng từ liên quan đến nghiệp vụ giảm tài sản cố định như: hóa đơn, biên bản thanh lý,... cũng được tập hợp về phòng kế toán . Kế toán căn cứ các chứng từ này để ghi giảm trên thẻ tài sản cố định.

Ví dụ 1:

Ngày 01/08/2014, công ty mua 3 máy trộn bê tông dùng cho sản xuất từ công ty TNHH Hồng An với tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 135.901.700 đồng.

Các chứng từ liên quan gồm có:

- Hợp đồng mua bán;
- Biên bản bàn giao;
- Hóa đơn giá trị gia tăng .

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

-----*-----

HỢP ĐỒNG MUA BÁN
SỐ 36/HĐMB

- Căn cứ bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005.
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005.
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 08 năm 2014, chúng tôi gồm có:

BÊN MUA (BÊN A) CÔNG TY TNHH TOÀN MỸ

Địa chỉ: KM 9 Quốc lộ 10 xã Kiên Bái – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Điện thoại: 0313.645.636

Fax: 0313.645.634

Mã số thuế: 0200.160.843

TK : 21.052.11.000.247 tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn TN.

Đại diện: Nguyễn Sĩ Tình

Chức vụ: Giám đốc.

BÊN BÁN (BÊN B) CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ HỒNG AN.

Địa chỉ: Số 14 đường Nam Cầu Bính, P. Sở Dầu, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: 0313.954.675 Mã số thuế: 0200.276.485

Số tài khoản: 102010000208356 tại ngân hàng Công Thương Việt Nam chi nhánh Lê Chân, Hải Phòng.

Đại diện: Vũ Hồng An.

Chức vụ: Giám đốc

Trên cơ sở thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán với các điều khoản dưới đây:

ĐIỀU 1: Bên A đồng ý bán cho bên B các mặt hàng sau:

STT	TÊN HÀNG	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Máy trộn bê tông IZC 200	01	35.350.000	35.350.000
2	Máy trộn bê tông IZC 250	01	42.747.000	42.747.000
3	Máy trộn bê tông IZC 350	01	45.450.000	45.450.000
	Thuế GTGT			12.354.700
	CỘNG			135.901.700

Bằng chữ: Một trăm ba mươi năm triệu chín trăm linh một nghìn bảy trăm đồng chẵn.

ĐIỀU 2: THANH TOÁN.

- Phương thức thanh toán: bên A thanh toán cho bên B bằng đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bên B.
- Bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng cho bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận hàng và hóa đơn giá trị gia tăng.

ĐIỀU 3: THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN HÀNG.

- Thời gian giao hàng: giao trong ngày 01/08/2014.
- Địa điểm giao hàng: tại cơ sở bên A(KM 9 Quốc lộ 10 xã Kiên Bái – Thủy Nguyên – Hải Phòng)
- Bên B sẽ giao trực tiếp cho bên A hoặc người được ủy quyền.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN.

- Bên B có nghĩa vụ giao hàng đảm bảo đúng thời gian, địa điểm, chủng loại, quy cách, chất lượng theo quy định trong hợp đồng này.
- Bên B có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ, tài liệu hợp lệ cho bên A và có trách nhiệm pháp lí về tính hợp lệ của hóa đơn, chứng từ và tài liệu đó.
- Bên A có trách nhiệm nhận hàng nhanh chóng, thanh toán tiền cho bên B đúng theo phương thức và thời gian đã thống nhất giữa hai bên.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản trên. Nếu thấy vướng mắc hai bên phải thông báo cho nhau để cùng bàn bạc giải quyết và được thể hiện bằng văn bản mới có giá trị thi hành. Nếu một bên đơn phương thay đổi phải chịu bồi hoàn toàn bộ thiệt hại vật chất do bên thay đổi gây ra. Trong trường hợp hai bên không giải quyết được thì thống nhất đưa ra tòa án kinh tế thành phố Hải Phòng. Phán quyết của tòa là quyết định cuối cùng buộc hai bên thi hành. Phí do bên thua kiện chịu.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày kí.
- Hợp đồng được lập thành 02 bản và có giá trị pháp lí ngang nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện.
- Sau khi các bên thực hiện xong quyền và nghĩa vụ của mình được ghi trong hợp đồng thì hợp đồng coi như được thanh lí.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Giám đốc
Nguyễn Sĩ Tinh

ĐẠI DIỆN BÊN B

Giám đốc
Vũ Hồng An

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01 GTKT3/01			
Liên 2: (Giao cho khách hàng)		Kí hiệu : AA/11P			
Ngày 01 tháng 08 năm 2014		Số: 0002192			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thiết bị Hồng An					
Địa chỉ: Số 14 đường Nam Cầu Bính, P. Sở Dầu, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng					
MST: 0200276485		Số tài khoản: 102010000208356			
Đơn vị: Công ty TNHH Toàn Mỹ					
Địa chỉ: Quốc lộ 10 xã Kiền Bái – Thủy Nguyên – Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK. MST: 0200160843					
STT	Tên sản phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Máy trộn bê tông IZC 200	Cái	01	35.350.000	35.350.000
2	Máy trộn bê tông IZC 250	Cái	01	42.747.000	42.747.000
3	Máy trộn bê tông IZC 350	Cái	01	45.450.000	45.450.000
Cộng tiền hàng:					123.547.000
Thuế suất GTGT (10%)		Tiền thuế GTGT:		12.354.700	
Tổng cộng tiền thanh toán:					135.901.700
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm ba mươi năm triệu chín trăm linh một ngàn bảy trăm đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Hải phòng, ngày 01 tháng 08 năm 2014

BIÊN BẢN BÀN GIAO TÀI SẢN

Giữa Công ty TNHH Hồng An (bên giao) và
Công ty TNHH Toàn Mỹ (bên nhận)

Hôm nay, ngày 01 tháng 08 năm 2014 tại Công ty TNHH Toàn Mỹ đã tiến hành cuộc họp bàn giao tài sản giữa Công ty TNHH Hồng An (bên giao) và Công ty TNHH Toàn Mỹ (bên nhận) thực hiện theo HĐMB số 36 của Công ty TNHH Hồng An ngày 01 tháng 08 năm 2014.

I/ THÀNH PHẦN THAM DỰ:

1/ Bên giao: Đại diện công ty TNHH Hồng An.

Ông: Vũ Hồng An Chức vụ: Giám đốc

2/ Bên nhận: Đại diện công ty TNHH Toàn Mỹ.

Ông: Nguyễn Sĩ Tình Chức vụ: Giám đốc.

II/ NỘI DUNG BÀN GIAO:

Bên Công ty TNHH Hồng An đã tiến hành bàn giao tài sản cho bên Công ty TNHH Toàn Mỹ theo biểu thống kê sau:

Bảng thống kê tài sản bàn giao

ST T	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Máy trộn bê tông IZC 200	Cái	01	35.350.000	35.350.000	
2	Máy trộn bê tông IZC 250	Cái	01	42.747.000	42.747.000	
3	Máy trộn bê tông IZC 350	Cái	01	45.450.000	45.450.000	
	Cộng				123.547.000	

Tổng giá trị: Bằng số: 123.547.000

Bằng chữ : một trăm hai mươi ba triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn đồng chẵn.
Kể từ ngày 01/8/2014 số tài trên do bên Công ty TNHH Toàn Mỹ. chịu trách nhiệm quản lý.

Biên bản này lập thành 4 bản có giá trị như nhau. Bên giao giữ 2 bản, bên nhận giữ 2 bản.

CHỮ KÝ BÊN GIAO

CHỮ KÝ BÊN NHẬN

CÔNG TY TNHH TOÀN MỸ

Km19QL10, Kiên Bái, TN, HP

Mẫu số: S12-DN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số 40 Ngày 01 tháng 08 năm 2014.

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 40 Ngày 01 tháng 08 năm 2014

Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Máy trộn bê tông IZC 200 .

Số hiệu TSCĐ: MMTB40

Nước sản xuất (xây dựng) : Việt Nam.

Bộ phận quản lý, sử dụng : đội xây dựng.

Năm đưa vào sử dụng : 2014

SH CT	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn		
	Năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4
	2014	Máy trộn bê tông IZC 200	35.350.000	2014	1.841.146	1.841.146

Dụng cụ, phụ tùng kèm theo

STT	Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng	ĐVT	Số lượng	Giá trị	Ghi chú
A	B	C	1	2	3

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số: Ngày tháng năm

Lý do giảm:

Ngày tháng năm

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH TOÀN MỸ

Km19QL10, Kiên Bái, TN, HP

Mẫu số: S12-DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số 41 Ngày 01 tháng 08 năm 2014.

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 40 Ngày 01 tháng 08 năm 2014

Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Máy trộn bê tông IZC 250 .

Số hiệu TSCĐ: MMTB41

Nước sản xuất (xây dựng) : Việt Nam.

Bộ phận quản lý, sử dụng : đội xây dựng.

Năm đưa vào sử dụng : 2014

SH CT	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn		
	Năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4
	2014	Máy trộn bê tông IZC 250	42.747.000	2014	2.226.406	2.226.406

Dụng cụ, phụ tùng kèm theo

STT	Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng	ĐVT	Số lượng	Giá trị	Ghi chú
A	B	C	1	2	3

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số: Ngày tháng năm

Lí do giảm:

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH TOÀN MỸ

Mẫu số: S12-DNN

Km19QL10, Kiên Bái, TN, HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số 42 Ngày 01 tháng 08 năm 2014

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 40 Ngày 01 tháng 08 năm 2014

Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Máy trộn bê tông IZC 350 .

Số hiệu TSCĐ: MMTB42

Nước sản xuất (xây dựng) : Việt Nam.

Bộ phận quản lý, sử dụng : đội xây dựng.

Năm đưa vào sử dụng : 2014

SH CT	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn		
	Năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4
	2014	Máy trộn bê tông IZC 350	45.450.000	2014	2.367.187	2.367.187

Dụng cụ, phụ tùng kèm theo

STT	Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng	ĐVT	Số lượng	Giá trị	Ghi chú
A	B	C	1	2	3

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số: Ngày tháng năm

Lí do giảm

Ngày tháng năm

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ví dụ 2:

Ngày 29 /08/ 2014, công ty thanh lí 1 xe ô tô yaris 05 chỗ ngồi cho bà Nguyễn Thị Phương Thanh, Lê Chân, Hải Phòng. Xe có nguyên giá 420.454.545 đồng, hao mòn lũy kế 108.617.427 đồng. Tổng số tiền thu được từ việc thanh lí là 330.000.000 đồng, thuế GTGT 10%.

Các chứng từ liên quan:

- Hóa đơn GTGT.
- Biên bản thanh lí.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01 GTKT3/001			
Liên 3: (Nội bộ)		Kí hiệu : AA/12P			
Ngày 29 tháng 08 năm 2014		Số: 0000650			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TOÀN MỸ					
Địa chỉ: KM19 Quốc lộ 10 xã Kiền Bái – Thủy Nguyên – Hải Phòng					
MST: 0200160843		Số điện thoại: 031.3645636 Fax: 031.3645634.			
Tên người mua hàng: Nguyễn Thị Phương Thanh					
Địa chỉ: Số 34, ngõ 196, đường Tô Hiệu, phường Trại Cau, Q.Lê Chân, Hải Phòng.					
Hình thức thanh toán: CK. MST:					
STT	Tên sản phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Xe ô tô yaris màu đỏ Số khung : JTDKW 9232B518 Số máy: 5918703	Chiếc	01	200.000.000	200.000.000
Cộng tiền hàng:					200.000.000
Thuế suất GTGT (10%)		Tiền thuế GTGT:		20.000.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					220.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

CÔNG TY TNHH TOÀN MỸ
Km19QL10, Kiên Bái, TN, HP

Mẫu số: 02 - TSCĐ
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 29 tháng 8 năm 2014

Căn cứ QĐ1083/ QĐ- QL ngày 29 tháng 08 năm 2014 của Công ty TNHH Toàn Mỹ về việc thanh lý TSCĐ.

I- Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Ông: Nguyễn Sĩ Tình Chức vụ: Giám đốc _ Trưởng ban
- Bà: Đỗ Thị Thịnh Chức vụ: Kế toán trưởng _ Ủy viên

II- Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Xe ô tô yaris màu đỏ
Số khung : JTDKW 9232B518 Số máy: 5918703
- Số hiệu TSCĐ : OTO10
- Nước sản xuất (xây dựng) : Nhật Bản
- Năm đưa vào sử dụng: 2012 Số thẻ TSCĐ: 29
- Nguyên giá TSCĐ : 420.454.545 đồng.
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý : 108.617.427 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ : 311.837.118 đồng.

III- Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ:

Ban thanh lý quyết định nhượng bán xe ô tô yaris 5 chỗ ngồi cho bà Nguyễn Thị Phương Thanh.

Hải phòng, ngày 29 tháng 8 năm 2014

Trưởng Ban thanh lý

(Ký, họ tên)

IV- Kết quả thanh lý TSCĐ:

- Chi phí thanh lý TSCĐ:(viết bằng chữ).....
- Giá trị thu hồi: .200.000.000 (viết bằng chữ) hai trăm triệu đồng chẵn.
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 29 tháng 8 năm 2014.

Ngày 29 tháng 8 năm 2014

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH TOÀN MỸ
Km19QL10, Kiên Bái, TN, HP

Mẫu số: S12-DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số 29

Ngày 29 tháng 08 năm 2014

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 15 ngày 01 tháng 01 năm 2012

Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: ô tô yaris 5 chỗ ngồi màu đỏ .

Số hiệu TSCĐ: OTO10

Nước sản xuất (xây dựng) Nhật Bản.

Bộ phận quản lý, sử dụng : Bộ phận quản lý doanh nghiệp.

Năm đưa vào sử dụng : 2012

Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày 29 tháng 08 năm 2014.

Lý do đình chỉ : thanh lí.

SHCT	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn		
	Ngày tháng năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4
	2012		420.454.545	2012	38.880.745	38.880.745
				2013	42.045.455	80.926.200
				2014	27.691.227	108.617.427

Dụng cụ, phụ tùng kèm theo

STT	Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng	ĐVT	Số lượng	Giá trị	Ghi chú
A	B	C	1	2	3

Ghi giảm TSCĐ Ngày 29 tháng 08 năm 2014.

Lý do giảm : thanh lí.

Ngày 29 tháng 08 năm 2014

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3 Kế toán tổng hợp tài sản cố định tại công ty.

2.2.3.1 Kế toán từng tài sản cố định.

Tài khoản sử dụng:

- TK 211: “Tài sản cố định hữu hình”

Chứng từ sử dụng:

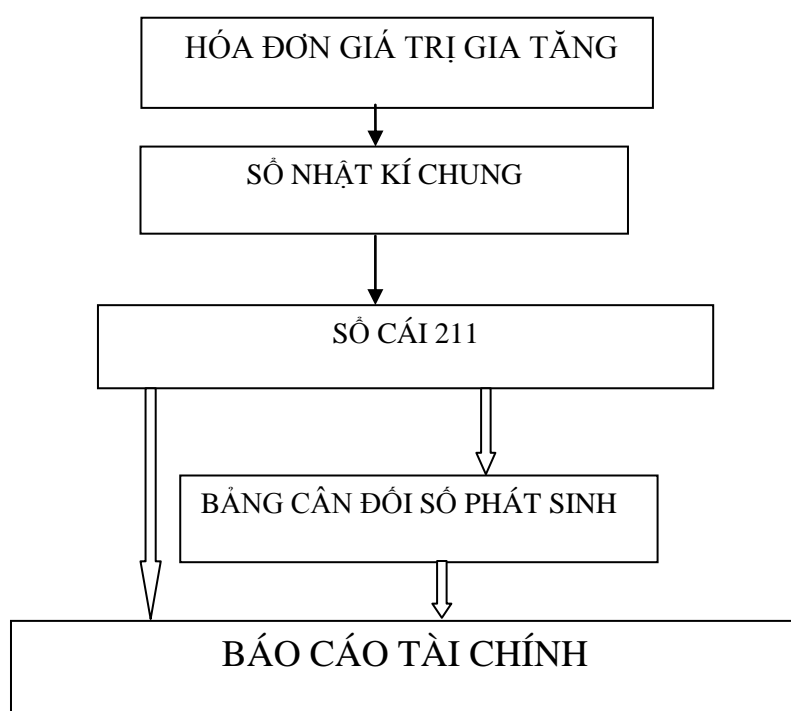
- Hợp đồng mua bán.
- Biên bản bàn giao.
- Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Biên bản thanh lí.

Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật kí chung.
- Sổ cái tài khoản 211

Trình tự ghi sổ:

Sơ đồ 2.4 : Trình tự ghi sổ kế toán tài sản cố định.



Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối kì \longrightarrow

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ : hóa đơn giá trị gia tăng, hợp đồng mua bán, biên bản giao nhận, biên bản thanh lí,.. dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi

nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật kí chung. Cuối ngày, căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật kí chung, kế toán vào sổ cái các tài khoản 211.

Cuối kì, kế toán sẽ cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu đúng số liệu, bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Ví dụ 1:

Ngày 01/08/2014, công ty mua 3 máy trộn bê tông dùng cho sản xuất từ công ty TNHH Hồng An với tổng giá ghi trên hóa đơn là 135.901.700 đồng.

Ví dụ 2:

Ngày 29/08/2014, công ty thanh lí 1 xe ô tô yaris 05 chỗ ngồi cho bà Nguyễn Thị Phương Thanh, Lê Chân, Hải Phòng. Xe có nguyên giá 420.454.545 đồng, hao mòn lũy kế 108.617.427 đồng. Tổng số tiền thu được từ việc thanh lí là 220.000.000 đồng, thuế GTGT 10%.

Căn cứ các chứng từ có được kế toán tiến hành ghi sổ nhật kí chung và cuối ngày từ sổ nhật kí chung, kế toán vào sổ cái 211.

CÔNG TY TNHH TOÀN MỸ
Km 19 QL10, Kiên Bái, TN, HP

Mẫu số: S03a – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm: 2014

ĐVT: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...
01/8	HĐ 0002192	01/8	Mua máy trộn bê tông của cty TNHH thiết bị Hồng An.	211	123.547.000	
				331		123.547.000
				133	12.354.700	
				331		12.354.700
...
29/8	HĐ 0000650 BBTL	29/8	Thanh lí xe ô tô yaris	131	200.000.000	
				711		200.000.000
				131	20.000.000	
				3331		20.000.000
				214	108.617.427	
				211		108.617.427
				811	311.837.118	
211		311.837.118				
...
			CỘNG		376.911.672.418	376.911.672.418

Ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH TOÀN MỸ
Km 19 QL10, Kiên Bái, TN, HP

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: Tài sản cố định.

Số hiệu: 211

Năm: 2014

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			SDĐK		<u>41.568.803.423</u>		
01/8	HĐ 0002192	01/8	Mua máy trộn bê tông của công ty TNHH Hong An.	331	123.547.000		
29/8	BBTL	29/8	Thanh lí xe ô tô yaris.	214 811		108.617.427 311.837.118	
			Cộng SPS		123.547.000	420.454.545	
			SDCK		<u>41.271.895.878</u>		

Ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3.2 Kế toán khấu hao tài sản cố định tại công ty.

Tài khoản sử dụng:

- TK 214: “Khấu hao tài sản cố định”

Sổ sách sử dụng:

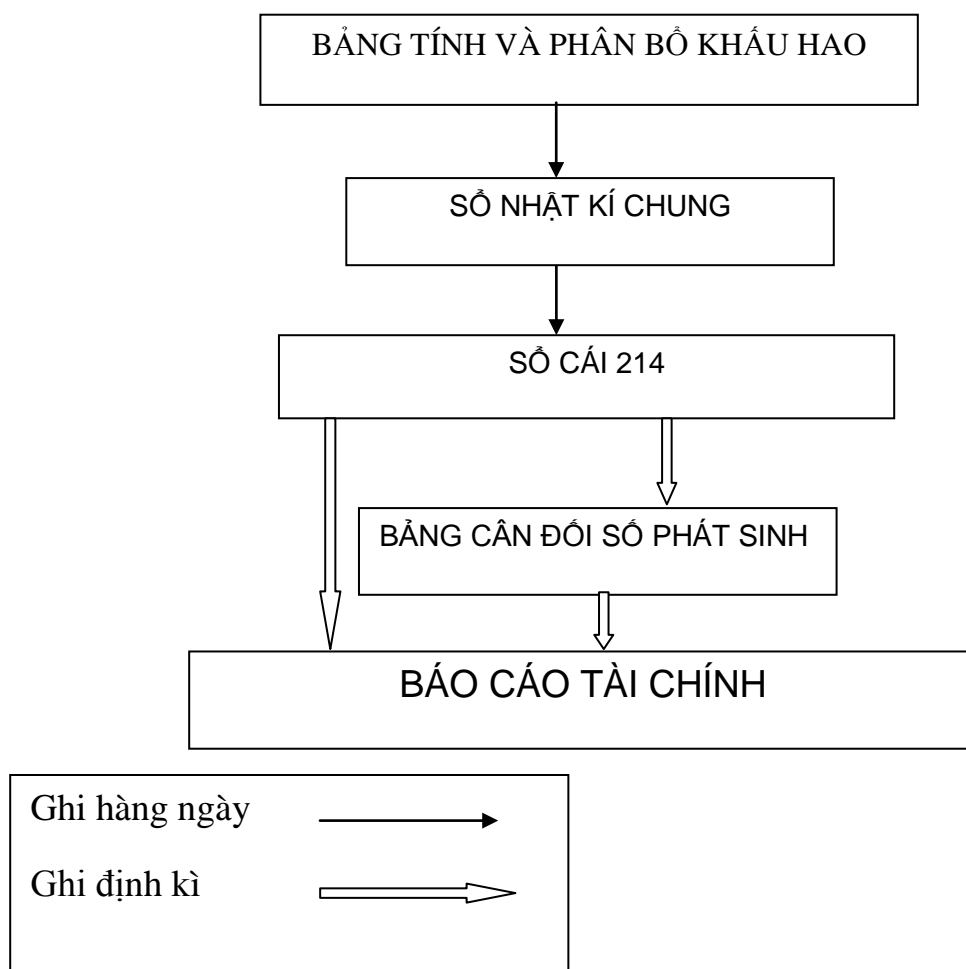
- Sổ nhật kí chung.
- Sổ cái tài khoản 214

Chứng từ sử dụng:

- Bảng tính và phân bổ khấu hao.

Trình tự ghi sổ:

Sơ đồ 2.4 : Trình tự ghi sổ kế toán khấu hao tài sản cố định.



Hàng ngày, căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật kí chung. Cuối ngày, căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật kí chung, kế toán vào sổ cái các tài khoản 214.

Cuối kì, kế toán sẽ cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

Từ sổ cái, bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Toàn Mỹ áp dụng phương pháp tính khấu hao đường thẳng cho toàn bộ tài sản cố định sử dụng trong công ty. Mức trích khấu hao được tính như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao 1 năm} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Thời gian sử dụng (năm)}} \times \text{Mức trích khấu hao 1 năm}$$

$$\text{Mức trích khấu hao 1 tháng} = \frac{\text{Mức trích khấu hao 1 năm}}{12}$$

Thời gian sử dụng của tài sản cố định được công ty xác định theo phụ lục I khung thời gian trích khấu hao các loại tài sản cố định (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/ 04/2013 của Bộ Tài chính).

Ví dụ:

Kế toán lập bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định tháng 8, sau đó kế toán ghi sổ nhật kí chung; căn cứ vào số liệu trên sổ nhật kí chung để vào sổ cái tài khoản 214.

CÔNG TY TNHH TOÀN MỸ

Mẫu số: 06 – DNN

Km 19 QL10, Kiên Bái, TN, HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC Ngày 14/9/2006 BTC)

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 8 năm 2014

ST T	Mã	Tài sản	Năm sd	Toàn doanh nghiệp		TK 154	TK6421 CP bán hàng	TK 6422 CP quản lí dn
				NG TSCĐ	Số khấu hao			
1	BDS004	Nhà VP Kiên Bái	25	4.083.530.000	13.611.767			13.611.767
...
21	MMTB40	Máy trộn bê tông	8	35.350.000	368.229	368.229		
22	MMTB41	Máy trộn bê tông	8	42.747.000	445.281	445.281		
23	MMTB42	Máy trộn bê tông	8	45.450.000	473.438	473.438		
...
29	OTO10	Ô tô yaris	10	420.454.545	3.164.712			3.164.712
...
35	TBVP13	Bàn ghế phòng KD	5	50.604.545	843.409			843.409
		Cộng		41.692.350.423	188.559.760	96.221.698	12.079.265	80.258.797

Ngày 31 tháng 08 năm 2014

Kế toán trưởng

*Sinh viên: Hoàng Thị Thanh.
Lớp QTL701K*

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm: 2014

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...
29/8	HD 0000650 BBTL	291/8	Thanh lí xe ô tô yaris	131	200.000.000	
				711		200.000.000
				131	20.000.000	
				3331		20.000.000
				214	108.617.427	
				211		108.617.427
				811	311.837.118	
				211		311.837.118
...
31/08	BTKH T8	31/08	Tính và phân bổ khấu hao tháng 8	154	96.221.698	
				6421	12.079.265	
				6422	80.258.797	
				214		188.559.760
...
			CỘNG		376.911.672.418	376.911.672.418

Ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

SỔ CÁI

Tài khoản: Khấu hao tài sản cố định.

Số hiệu: 214

Năm : 2014

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			SĐĐK			<u>8.253.991.644</u>
...
29/8	BBTL	29/8	Thanh lí xe ô tô yaris..	211	108.617.427	
31/12	BTKH T8	31/12	Tính và phân bổ khấu hao tháng 8	154		96.221.698
				6421		12.079.265
				6422		80.258.797
...
			Cộng SPS		108.617.427	2.676.616.533
			SĐCK			<u>10.821.990.772</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TOÀN MỸ.

3.1 Đánh giá chung về thực trạng tổ chức kế toán tài sản cố định tại công ty trách nhiệm hữu hạn Toàn Mỹ.

Về cơ bản, tổ chức kế toán tại công ty trách nhiệm hữu hạn nói chung và công tác hạch toán kế toán tài sản cố định nói riêng là tương đối phù hợp với yêu cầu quản lý cũng như đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty; là công cụ trợ giúp đắc lực cho ban lãnh đạo công ty có những chủ trương, biện pháp tích cực trong điều hành hoạt động kinh doanh.

3.1.1 Kết quả đạt được

Về bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán tại công ty tổ chức theo mô hình tập trung hiện nay là khá phù hợp với yêu cầu công việc của công ty và trình độ chuyên môn của từng người.

Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thông nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Bên cạnh đó, các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình trong công việc. Chính vì vậy nên tổ chức công tác kế toán trong công ty đã giảm thiểu những gian lận, sai sót.

Về sổ sách kế toán: hệ thống sổ sách kế toán tại công ty được thực hiện theo đúng quy định của Bộ tài chính đối với hình thức sổ kế toán nhật ký chung.

Về kế toán chi tiết tài sản cố định: kế toán công ty lập thẻ tài sản cố định để theo dõi cho từng tài sản. Điều này đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại của từng tài sản cố định trong công ty.

Về kế toán tăng, giảm tài sản cố định: các nghiệp vụ tăng, giảm tài sản cố định trong công ty được thực hiện đúng thủ tục, có đầy đủ chứng từ hợp lệ và được kế toán vào sổ kịp thời. Nguyên giá tài sản cố định trong công ty được kế toán xác định theo quy định của Bộ tài chính.

Về kế toán khấu hao tài sản cố định: tài sản cố định trong công ty được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng một cách nhất quán. Nguyên giá tài

sản cố định và thời gian sử dụng tài sản cố định được kế toán xác định phù hợp với quy định hiện hành của Bộ tài chính.

3.1.2 Hạn chế

Về sổ sách kế toán: công ty chưa mở sổ tài sản cố định cho từng loại tài sản và sổ tài sản cố định cho nơi sử dụng nên gây khó khăn trong việc quản lý tài sản cố định.

Về kiểm kê tài sản cố định: công ty chưa tiến hành kiểm kê tài sản cố định nên khó quản lý tài sản thực tế và không phát hiện được việc mất mát tài sản để có biện pháp xử lý kịp thời.

Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán: Công ty vẫn chưa có phần mềm riêng của mình nên việc xử lý các số liệu và tính toán vẫn còn nhiều khó khăn, tốn nhiều thời gian, nhân lực và công sức... Công việc kế toán chủ yếu được tiến hành bằng thủ công và thực hiện trên excel. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác của các Báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán tài sản cố định

3.2.1 Giải pháp hoàn thiện sổ sách sử dụng .

Công ty nên mở các sổ tài sản cố định: sổ tài sản cố định cho từng loại tài sản và sổ tài sản cố định theo nơi sử dụng để theo dõi tình hình tăng, giảm tài sản cố định.

❖ *Mục đích sử dụng:* dùng để đăng kí, theo dõi và quản lý tài sản từ khi mua sắm, đưa vào sử dụng đến khi giảm tài sản cố định.

❖ *Lập sổ:* với mỗi nhóm tài sản cố định như: phương tiện vận tải, máy móc thiết bị,... công ty có thể theo dõi cho từng loại trên các trang sổ khác nhau trong cùng một quyển sổ.

❖ *Phương pháp ghi sổ:*

Khi có nghiệp vụ tăng tài sản cố định, kế toán sẽ căn cứ các chứng từ liên quan để ghi vào cột “ STT ” và các cột trong phần “ ghi tăng tài sản cố định”. Đồng thời, kế toán sẽ xác định thời gian sử dụng của tài sản để tính tỉ lệ và mức khấu hao của tài sản đó rồi ghi vào cột “ Mức khấu hao ”.

Khi có nghiệp vụ giảm tài sản cố định, căn cứ vào các chứng từ liên quan, kế toán sẽ ghi vào các cột trong phần “ Ghi giảm tài sản cố định ” và căn cứ vào thông tin trên thẻ tài sản cố định của tài sản đó để ghi vào cột “ Khấu hao tính đến khi ghi giảm tài sản cố định”.

Sau đây là mẫu sổ và ví dụ minh họa.

Biểu 3.2 : Mẫu sổ tài sản cố định

Đơn vị:.....

Địa chỉ:

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**Loại tài sản:**

Ghi tăng tài sản cố định						Khấu hao tài sản cố định			Ghi giảm tài sản cố định		
Chứng từ		Tên, kí hiệu, đặc điểm TSCĐ	Tháng, năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Khấu hao tính đến khi ghi giảm TSCĐ	Chứng từ		Lí do ghi giảm
Số hiệu	Ngày tháng					Số năm sử dụng	Mức khấu hao năm		Số hiệu	Ngày, tháng	
		Cộng	X	x					x	x	x

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(kí, ghi rõ họ tên)

(kí, ghi rõ họ tên)

(kí, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TNHH TOÀN MỸ

Km 19 QL10, Kiên Bái, TN, HP

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Loại tài sản: Phương tiện vận tải truyền dẫn.

Năm 2014

Ghi tăng tài sản cố định						Khấu hao tài sản cố định			Ghi giảm tài sản cố định		
Chứng từ		Tên, kí hiệu, đặc điểm TSCĐ	Tháng, năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Khấu hao tính đến khi ghi giảm TSCĐ	Chứng từ		Lí do ghi giảm
Số hiệu	Ngày tháng					Số năm sử dụng	Mức khấu hao năm		Số hiệu	Ngày, tháng	
...
HD 0000725	01/2012	Xe ô tô yaris	01/2012	OTO10	420.454.545	10	27.691.227	108.617.427	HD 0000650	29/08/2014	Thanh lí
...
		Cộng									

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ

(kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(kí, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TNHH TOÀN MỸ

Km 19 QL10, Kiên Bái, TN, HP

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Loại tài sản: Máy móc, thiết bị.

Năm 2014

ĐVT: Đồng

Ghi tăng tài sản cố định						Khấu hao tài sản cố định			Ghi giảm tài sản cố định		
Chứng từ		Tên, kí hiệu, đặc điểm TSCĐ	Tháng, năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Khấu hao tính đến khi ghi giảm TSCĐ	Chứng từ		Lí do ghi giảm
Số hiệu	Ngày tháng					Số năm sử dụng	Mức khấu hao năm		Số hiệu	Ngày tháng	
...
HD 0002192	01/8/ 2014	Máy trộn bê tông IZC 250	08/2014	MMTB 40	35.350.000	8	1.841.146				
HD 0002192	01/8/ 2014	Máy trộn bê tông IZC 300	08/2014	MMTB 41	42.747.000	8	2.226.406				
HD 0002192	01/8/ 2014	Máy trộn bê tông IZC 350	08/2014	MMTB 42	45.450.000	8	2.367.187				
		Cộng									

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ

(kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(kí, họ tên, đóng dấu)

Sinh viên: Hoàng Thị Thanh.

Lớp QTL701K

Sổ tài sản cố định theo nơi sử dụng:

❖ Mục đích sử dụng: sổ tài sản cố định theo nơi sử dụng dùng để ghi chép tình hình tăng, giảm tài sản cố định tại nơi sử dụng nhằm quản lí tài sản tại các phòng, ban, bộ phận sử dụng trong doanh nghiệp.

❖ Lập sổ: sổ được mở theo từng đơn vị sử dụng.

❖ Phương pháp ghi sổ:

Khi phát sinh nghiệp vụ tăng tài sản cố định, kế toán căn cứ các chứng từ liên quan để ghi vào các cột trong phần “ Ghi tăng tài sản cố định ” trên sổ.

Tương tự, khi phát sinh nghiệp vụ giảm tài sản cố định, kế toán cũng căn cứ các chứng từ có liên quan để ghi vào các cột trong phần “ Ghi giảm tài sản cố định ” trên sổ.

Sau đây là mẫu sổ và ví dụ:

Biểu 3.3 Mẫu sổ tài sản cố định theo nơi sử dụng.

Đơn vị:

Địa chỉ:

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THEO NƠI SỬ DỤNG

Tên đơn vị sử dụng:

ĐVT: Đồng

Ghi tăng tài sản cố định						Ghi giảm tài sản cố định				Ghi chú		
Chứng từ		Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Chứng từ		Lí do		Số lượng	Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng						Số hiệu	Ngày tháng				
		Cộng		x	X	X				x	X	

Ngày tháng năm

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(kí, ghi rõ họ tên)

(kí, ghi rõ họ tên)

(kí, họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH TOÀN MỸ

Km 19 QL10, Kiên Bái, TN, HP

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THEO NƠI SỬ DỤNG

Tên đơn vị sử dụng: **Đội xây dựng**

Năm: **2014**

ĐVT: **Đồng**

Ghi tăng tài sản cố định							Ghi giảm tài sản cố định				Ghi chú	
Chứng từ		Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Chứng từ		Lí do	Số lượng		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng						Số hiệu	Ngày tháng				
...
HĐ 0002192	01/08/ 2014	Máy trộn bê tông IZC 250	cái	01	35.350.000	35.350.000						
HĐ 0002192	01/08/ 2014	Máy trộn bê tông IZC 300	cái	01	42.747.000	42.747.000						
HĐ 0002192	01/08/ 2014	Máy trộn bê tông IZC 350	cái	01	45.450.000	45.450.000						
...
		Cộng										

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập sổ

(kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(kí, họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH TOÀN MỸ

Km 19 QL10, Kiên Bái, TN, HP

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THEO NƠI SỬ DỤNG

Tên đơn vị sử dụng: Văn phòng

Năm : 2014

ĐVT: Đồng

Ghi tăng tài sản cố định							Ghi giảm tài sản cố định					Ghi chú
Chứng từ		Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Chứng từ		Lí do	Số lượng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng						Số hiệu	Ngày tháng				
...
HD 0000725	01/ 2012	Ô tô yaris	cái	01	420.454.545	420.454.545	HĐ 0000 650	29/8/ 2014	Thanh lí	01	200.000.000	
...
		Cộng										

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập sổ

(kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(kí, họ tên, đóng dấu)

3.2.2 Giải pháp về kiểm kê tài sản cố định.

Công ty cần thực hiện kiểm kê tài sản cố định định kỳ vào cuối năm tài chính. Việc thực hiện kiểm kê tài sản cố định giúp công ty xác nhận số lượng, giá trị tài sản cố định hiện có, thừa hoặc thiếu so với sổ sách trên cơ sở đó tăng cường quản lý tài sản cố định và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán số chênh lệch.

Để tiến hành kiểm kê tài sản cố định, trước hết công ty phải lập ban kiểm kê. Thành viên ban kiểm kê thường gồm có Giám đốc công ty, kế toán trưởng, kế toán tài sản cố định và đại diện bộ phận/phòng ban sử dụng tài sản cố định,... Sau khi tiến hành kiểm kê, ban kiểm kê sẽ tiến hành tổng hợp kết quả kiểm kê, đối chiếu với số liệu trên sổ kế toán và lập biên bản kiểm kê tài sản cố định.

Sau đây là mẫu “ Biên bản kiểm kê tài sản cố định ”:

Đơn vị:.....

Bộ phận:.....

Mẫu số 05-TSCĐ
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày ... tháng ... năm ...

Thời điểm kiểm kê: giờ ngày ... tháng ... năm

Ban kiểm kê gồm:

- Ông/Bà: chức vụ Đại diện Trưởng ban.
- Ông/Bà: chức vụ Đại diện Ủy viên.
- Ông/Bà: chức vụ Đại diện Ủy viên.

Đã kiểm kê TSCĐ, kết quả như sau:

STT	Tên TSCĐ	Mã số	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
							Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Cộng												

Ngày tháng năm

Giám đốc
(Ghi ý kiến giải quyết số chênh lệch)
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trưởng ban kiểm kê
(Ký, họ tên)

3.2.3 Giải pháp về sử dụng phần mềm kế toán.

Hiện nay, có rất nhiều công ty cung cấp phần mềm phục vụ cho kế toán doanh nghiệp như Misa, Effect, Fast, Bravo,... Công ty có thể sử dụng một trong những phần mềm kế toán có sẵn trên thị trường hoặc đặt một phần mềm kế toán riêng phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có thể tham khảo một số phần mềm kế toán phổ biến cho doanh nghiệp vừa và nhỏ sau đây:

MISA SME.NET

❖ *Giới thiệu chung:* Phần mềm kế toán MISA SME.NET do công ty cổ phần MISA cung cấp. Phần mềm được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sử dụng, sở hữu và làm chủ hệ thống phần mềm kế toán và quản lý được mọi hoạt động kinh tế phát sinh của doanh nghiệp mình.

❖ *Đặc điểm:* Phần mềm kế toán MISA sme.net 2015 gồm có 17 phân hệ: Phân tích tài chính, phân hệ quỹ, phân hệ ngân hàng, phân hệ bán hàng, phân hệ mua hàng, phân hệ kho, phân hệ tài sản cố định, phân hệ tài sản cố định, phân hệ tiền lương, phân hệ giá thành, phân hệ thuế, phân hệ hợp đồng, phân hệ ngân sách, phân hệ tổng hợp, phân hệ quản lý hóa đơn, thủ kho, thủ quỹ. Phần mềm có hỗ trợ cho doanh nghiệp tự tạo mẫu, phát hành, in và sử dụng hóa đơn theo thông tư số 39/2014/TT-BTC.

❖ *Ưu điểm:*

- Nghiệp vụ: Đáp ứng đầy đủ nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp cho mọi loại hình doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực
- Dễ tiếp cận và cài đặt, dễ sử dụng. Quy trình hạch toán bằng hình ảnh thân thiện, dễ hiểu, dễ sử dụng có kèm theo sách và phim hướng dẫn.
- Công tác tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp được thực hiện tốt và chuyên nghiệp thông qua nhiều kênh như website, e – mail, fax, điện thoại.
- Giá cả hợp lý, công nghệ hiện đại
- ISA SME.NET 2015 giúp doanh nghiệp tối ưu hóa nguồn lực cho doanh nghiệp, tiết kiệm chi phí điều hành quản lý, đảm bảo an ninh, an toàn dữ liệu kế toán của đơn vị.

Hình 3.1 Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET



EFFECT

Hình 3.2 Màn hình giao diện trong phần mềm kế toán EFFECT



- ❖ *Giới thiệu chung:* phần mềm kế toán EFFECT do công ty cổ phần phần mềm EFFECT cung cấp. EFFECT là dòng sản phẩm dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, được trang bị tính động và khả năng lập trình chạy ngay phục vụ cho việc sửa đổi phần mềm.
- ❖ *Đặc điểm:* Phần mềm EFFECT là phần mềm kế toán động bao gồm 12 phần hành, chức năng (sud modules) là tiền mặt – tiền gửi – sổ sách kế toán – chi phí; vật tư – hàng hóa; mua hàng – bán hàng; công nợ; tài sản cố định – công cụ, dụng cụ; giá thành sản xuất; lao động – tiền lương; công trình xây lắp – vụ việc – hợp đồng; thuế GTGT; nhật kí chứng từ; báo cáo tài chính; thuyết minh báo cáo tài chính.
- ❖ *Ưu điểm:*
 - Phần mềm EFFECT có tính động, thích ứng nhanh với những thay đổi trong hoạt động của doanh nghiệp và các thay đổi trong chế độ kế toán.

- Phần mềm kế toán EFFECT được trang bị khả năng lập trình chạy ngay giúp rút ngắn đáng kể thời gian biến đổi chương trình cho phù hợp với yêu cầu riêng của từng doanh nghiệp.
- EFFECT-SQL 5.0 là sản phẩm phần mềm kế toán customize nâng cấp vượt bậc từ EFFECT-SQL 4.0. Là dòng sản phẩm customize mạnh nhất trong các dòng sản phẩm phần mềm kế toán EFFECT. EFFECT-SQL 5.0
- Doanh nghiệp có thể khai báo số lượng users và số lượng máy trạm không giới hạn nhưng tại một thời điểm chỉ có một số lượng users được cấp bản quyền có thể đăng nhập và sử dụng phần mềm. Phương pháp cấp bản quyền này tiết kiệm được chi phí cho doanh nghiệp khi các users có thể phân chia thời gian sử dụng phần mềm. Ngoài ra chỉ cần bản quyền cấp thêm cho 1 user, user có thể đăng nhập vào phần mềm trên các máy tính khác nhau (ở xa nhau) mà không cần phải mang máy tính của mình từ nơi này đến nơi khác.

FAST ACCOUTING 11.

Hình 3.3: giao diện phần mềm kế toán FAST ACCOUTING 11



❖ *Giới thiệu chung:* Phần mềm kế toán FAST ACCOUTING là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ do công ty phần mềm quản lý doanh nghiệp (FAST) cung cấp. Phần mềm FAST ACCOUTING được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997 và phiên bản mới nhất hiện nay là FAST ACCOUTING 11.

❖ *Đặc điểm:* Phần mềm FAST ACCOUTING bao gồm 16 phân hệ nghiệp vụ là kế toán tổng hợp, hệ thống, kế toán tiền mặt , tiền gửi ngân hàng, tiền vay; kế toán bán hàng và công nợ phải thu, kế toán mua hàng và công nợ phải trả, kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản cố định, kế toán công cụ lao động, báo cáo các khoản mục phí, kế toán các giá thành sản phẩm sản xuất liên tục, kế toán giá thành dự án, công trình xây lắp, kế toán giá thành sản xuất theo đơn hàng,

báo cáo quản trị các trường do người sử dụng tự định nghĩa, báo cáo thuế, báo cáo phân tích – quản trị, thuế thu nhập cá nhân.

❖ *Ưu điểm:*

- Giao diện và báo cáo theo hai ngôn ngữ là tiếng Việt và tiếng Anh. Phần mềm FAST ACCOUTING cho phép người dùng tùy chọn giao diện và các báo cáo theo tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

- Tính mềm dẻo: phần mềm FAST ACCOUTING cho người sử dụng nhiều lựa chọn khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu đặc thù của từng doanh nghiệp, có các trường thông tin tự do cho người sử dụng tự định nghĩa để quản lý cho các yêu cầu đặc thù.

- Quản lý số liệu của nhiều đơn vị cơ sở: phần mềm FAST ACCOUTING cho phép quản lý số liệu của nhiều đơn vị cơ sở, cho phép lên báo cáo của từng đơn vị cơ sở cũng như của toàn công ty.

KẾT LUẬN

Tài sản cố định là cơ sở vật chất có vai trò cực kì quan trọng. Việc cải tiến, hoàn thiện, đổi mới và sử dụng hiệu quả tài sản cố định là một trong những nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp và của nền kinh tế. Ngày nay khi mà quy mô sản xuất ngày càng lớn, trình độ xã hội hoá và sức phát triển sản xuất ngày càng cao, thì hạch toán nói chung và hạch toán TSCĐ nói riêng không ngừng được tăng cường và hoàn thiện. Thông qua hạch toán TSCĐ nắm chắc tình hình về số lượng và giá trị, tình hình sử dụng và hao mòn TSCĐ, từ đó đưa ra phương thức quản lý và sử dụng hợp lý TSCĐ, góp phần phát triển sản xuất và tạo sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

Qua quá trình học hỏi và tìm hiểu, được sự giúp đỡ nhiệt tình của Ths Trần Thị Thanh Phương và các cô, bác trong phòng Tài chính – Kế toán của Công ty TNHH Toàn Mỹ em đã hoàn thành khóa luận, biết kết hợp với những kiến thức đã được học ở trường với việc tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty. Em rất mong muốn bằng những ý kiến đóng góp nhỏ bé của mình, trong thời gian tới công ty sẽ hoàn thiện hơn công tác kế toán tài sản cố định để kế toán thực sự là công cụ quản lý kinh tế đắc lực giúp công ty khẳng định vị trí của mình.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng song do trình độ cũng như nhận thức còn hạn chế, cho nên bài viết mới chỉ đề cập đến những vấn đề cơ bản và do đó không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được những ý kiến đóng góp, chỉ bảo để nhận thức của em về vấn đề này được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Sinh viên

Hoàng Thị Thanh

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư 45/2013/TT - BTC
2. Chế độ kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ - NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.
3. Chế độ kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ - Quyển 1 – NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân
4. Website: voer.vn
5. Tài liệu thực tế tại Công ty TNHH Toàn Mỹ

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	7
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP.	8
1.1 Những vấn đề cơ bản về tài sản cố định trong doanh nghiệp.	8
1.1.1 Khái niệm, đặc điểm và phân loại tài sản cố định.	8
1.1.2. Đánh giá tài sản cố định.	11
1.1.2.1 Nguyên giá TSCĐ.....	11
1.1.2.2 Giá trị hao mòn và khấu hao TSCĐ.....	15
1.1.2.3 Giá trị còn lại của tài sản cố định.	18
1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định.	18
1.2 Tổ chức kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.	19
1.2.3. Kế toán chi tiết tài sản cố định.	19
1.2.4. Kế toán tổng hợp tài sản cố định.	19
1.2.2.1 Kế toán tăng, giảm tài sản cố định hữu hình.	22
1.2.2.2 Kế toán tăng, giảm tài sản cố định vô hình.	26
1.2.2.3 Kế toán khấu hao tài sản cố định trong doanh nghiệp.	29
1.2.2.4 Kế toán sửa chữa tài sản cố định.....	29
1.3 Tổ chức sổ sách kế toán tài sản cố định.	31
1.3.1 Hình thức kế toán nhật kí chung	31
1.3.2 Hình thức kế toán nhật kí – sổ cái.....	32
1.3.2 Hình thức kế toán nhật kí – sổ cái.....	33
1.3.3 Hình thức chứng từ ghi sổ.....	34
1.3.4 Hình thức kế toán nhật kí - chứng từ	36
1.3.5 Hình thức kế toán máy	38
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TOÀN MỸ.	39
2.1 Khái quát về công ty trách nhiệm hữu hạn Toàn Mỹ.	39
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển.	39
2.1.2 Đặc điểm tổ chức quản lí và tổ chức sản xuất của công ty.	40
2.1.3 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty.....	42
2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán.	42
2.1.3.2 Tổ chức vận dụng chế độ kế toán.....	43

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán tài sản cố định tại công ty trách nhiệm hữu hạn Toàn Mỹ.	45
2.2.1 Đặc điểm, đánh giá và phân loại tài sản cố định tại công ty.	45
2.2.2 Kế toán chi tiết tài sản cố định tại công ty.	46
2.2.3 Kế toán tổng hợp tài sản cố định tại công ty.	59
2.2.3.1 Kế toán tăng tài sản cố định.	59
2.2.3.2 Kế toán khấu hao tài sản cố định tại công ty.	63
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TOÀN MỸ.	68
3.1 Đánh giá chung về thực trạng tổ chức kế toán tài sản cố định tại công ty trách nhiệm hữu hạn Toàn Mỹ.	68
3.1.1 Kết quả đạt được.	68
3.1.2 Hạn chế.	69
3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán tài sản cố định.	69
3.2.1 Giải pháp hoàn thiện sổ sách sử dụng.	69
3.2.2 Giải pháp về kiểm kê tài sản cố định.	77
3.2.3 Giải pháp về sử dụng phần mềm kế toán.	79
KẾT LUẬN	85
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	86